



BÁO CÁO

Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Nghĩa Thành, Nghĩa Hưng, Tháng 11 năm 2018

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	4
1. Vị trí địa lý	4
2. Đặc điểm địa hình	4
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	5
5. Phân bố dân cư, dân số	6
6. Hiện trạng sử dụng đất đai	6
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	7
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	8
1. Lịch sử thiên tai	8
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	12
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	14
4. Đối tượng dễ bị tổn thương	15
5. Hạ tầng công cộng	15
a) Điện	Error! Bookmark not defined.
b) Đường và cầu cống	Error!
Bookmark not defined.	
c) Trường	Error!
Bookmark not defined.	
d) Cơ sở Y tế	Error!
Bookmark not defined.	
e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	Error!
Bookmark not defined.	
f) Chợ	Error! Bookmark not defined.
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)	21
7. Nhà ở	22
8. Nýôic sạch, vệ sinh và môi trường	23
9. Hiện trạng diôch bệnh phổ biến	23
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	24
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh	24
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	34
13. Phòng chống thiên tai/TÝBĐKH	38
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	39
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TÝBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	39
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	40
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng	40

2. Hạ tầng công cộng	47
3. Công trình thủy lợi.....	50
4. Nhà ở.....	51
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	52
6. Y tế và quản lý dịch bệnh	54
7. Giáo dục	56
8. Rừng.....	57
9. Trồng trọt	58
10. Chăn nuôi.....	62
11. Thủy Sản.....	63
12. Du lịch.....	66
13. Buôn bán và dịch vụ khác.....	66
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	67
15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH.....	68
16. Giới trong PCTT và BĐKH.....	69
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	70
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	72
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH.....	72
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH	76
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã Error! Bookmark not defined.	
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	78
E. Phụ lục	79
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	79
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn	80
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	86
Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai .. Error! Bookmark not defined.	

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Nghĩa Thành, là xã đồng bằng phía Nam của huyện Nghĩa Hưng, có diện tích tự nhiên là 738,13 ha, địa hình tương đối bằng phẳng. Phía Bắc giáp Thị trấn Quỳ Nhất; phía Nam giáp xã Nghĩa Lợi; phía Đông giáp xã Nghĩa Tân và Nghĩa Lợi; phía Tây giáp xã Nghĩa Lâm.

Kinh tế nông nghiệp của xã khá phát triển, trong đó cây lúa là cây trồng chủ lực với 412,11 ha Tiếp đến là rau màu với các loại cây được trồng đại trà thành hàng hoá là Cà chua, rau, đậu các loại.

2. Đặc điểm địa hình

Xã Nghĩa Thành được chia làm 12 đơn vị cấp thôn, có địa hình bằng phẳng, trong đó 8 thôn gồm Minh Điền Bảo Điền, Lương Điền, Mỹ Điền, Hậu Điền, Phúc Điền, Công Điền – Chi Thiện, Liên Thành là những thôn có địa hình trũng, thấp, dễ ngập úng gây bất lợi cho ngành trồng trọt. 4 thôn còn lại bao gồm Phương Điền, Tây Thành, Thiện Thắng, Chi Thiện là những thôn có địa hình cao hơn nên ít bị ảnh hưởng. Toàn xã có hệ thống kênh mương cấp 2 và cấp 3 giữ vai trò tưới và tiêu cho toàn bộ cánh đồng của xã.

Là địa bàn thuộc lưu vực sông Hồng. Sông Đáy và sông Ninh Cơ (sông Âm Sa 14B và sông Âm Sa 13) là hai con sông chính bao bọc toàn bộ huyện Nghĩa Hưng và trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp nước tưới và tiêu thoát úng lụt cho xã Nghĩa Thành. Tuy nhiên, do nằm ở cuối nguồn nên cũng như các xã lân cận, xã Nghĩa Thành gặp khó khăn trong việc tiêu thoát lụt khi mùa mưa đến làm ảnh hưởng nhiều đến sản xuất nông nghiệp của xã. Xã Nghĩa Thành không có Trạm bơm điều tiết nước. Phụ thuộc vào sự điều tiết nước của cấp trên và chế độ Nhật triều

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

Nghĩa Thành mang đầy đủ đặc điểm khí hậu của khu vực nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều, có thời tiết bốn mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông tương đối rõ rệt. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ: 24o–26oC. Độ ẩm trung bình: 80 – 85%; chênh lệch độ ẩm không nhiều. Lượng mưa trung bình từ: 1750 – 1800 mm, phân bố tương đối đồng đều trên toàn bộ xã. Lượng mưa phân bố không đều trong năm (mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa ít mưa từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau). Do lượng mưa

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

nhiều, tập trung nên thường gây ngập úng cục bộ, gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	DVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Nam Định năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	24 ⁰ – 26 ⁰	Tháng 5 đến tháng 11	Tăng 2,0°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	29 ⁰ c	Tháng 7	Tăng thêm khoảng 1,8-2,0°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	16-17 ⁰ c	Tháng 12 đến 1 năm sau	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	1750 – 1800	Tháng 5 đến tháng 10	Tăng thêm khoảng 21,9 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Nam Định năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mực nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm (Trạm Hòn Dấu đến Đèo Ngang)
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	<i>Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)</i>				
(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật					

4. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Phuong Điền	190	39	642	327	315	4	16
2	Minh Điền	136	23	556	271	285	3	14
3	Bảo Điền	192	28	650	312	338	2	17
4	Lương Điền	246	45	950	454	405	3	19
5	Mỹ Điền	145	28	450	219	231	2	13
6	Hậu Điền	329	33	1154	510	644	6	26
7	Phúc Điền	165	39	641	396	215	3	17
8	Công Điền - Chi Thiện	279	55	990	505	485	7	30
9	Liên Thành	151	30	531	200	180	6	17
10	Tây Thành	195	35	514	308	206	3	19
11	Thiện Thắng	151	31	521	234	287	3	18
12	Chi Thiện	194	30	740	321	410	6	16
Tổng số		2,373	416	8,339	4,057	4,001	48	222

5. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	738.13
1	Nhóm đất Nông nghiệp	549.23
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	
<i>1.1.1</i>	<i>Đất lúa nước</i>	421.11
<i>1.1.2</i>	<i>Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)</i>	4.15
<i>1.1.3</i>	<i>Đất trồng cây hàng năm khác</i>	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	93.91
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	30.06
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	8.9
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	21.7
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác	
	(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	188.9
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	2.24
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	
	- Đất ở	

6. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Thu nhập bình quân/hộ (Triệu/Năm)	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	27.20%	645	Lúa: Mâu:	452
2	Chăn nuôi	13.60%	322	37,568	225
3	Nuôi trồng thủy sản	9.10%	216	25,201	65
4	Đánh bắt hải sản	4.50%	106	12,367	32
5	Sản xuất tiểu thủ công	12.70%	301	35,118	196

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	ngiệp)				
6	Buôn bán	25.41%	603	70,352	332
7	Du lịch	0.00%	0	0	0
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	7.30%	173	20,184	52

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/ năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
					Nam	Nữ
Sep-05	Bão		Phương Điền	1. Số người chết/mất tích:	6	0
			Minh Điền	2. Số người bị thương:	0	0
			Bảo Điền	3. Số nhà bị thiệt hại:	1,000	
			Lương Điền	4. Số trường học bị thiệt hại:	5	
			Mỹ Điền	5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	1	
			Hậu Điền	6. Số km đường bị thiệt hại:	26.5	
			Phúc Điền	7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
			Công Điền- Chi Thiện	8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	440	
			Liên Thành	9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
			Tây Thành	10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	40	
			Thiện Thắng	11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
			Chi Thiện	12. Các thiệt hại khác		
	13. Ước tính thiệt hại kinh tế:					
Oct-08	Lụt			1. Số người chết/mất tích:	0	
				2. Số người bị thương:	0	
				3. Số nhà bị thiệt hại:	0	
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0.4	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				7.Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			Phương Điền	8.Số ha ruộng bị thiệt hại:	315
			Minh Điền	9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	285
			Lương Điền	10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	160
			Công Điền- Chi Thiện	11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	10
				12 kênh mương bị hư hỏng,	
				13. Đất bị lở lúp	
				14. Ước tính thiệt hại kinh tế:	
Feb-14	Rét hại		Phương Điền	1. Số người chết/mất tích:	0
			Minh Điền	2. Số người bị thương:	0
			Bảo Điền	3.Số nhà bị thiệt hại:	0
			Lương Điền	4.Số trường học bị thiệt hại:	0
			Mỹ Điền	5.Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			Hậu Điền	6.Số km đường bị thiệt hại:	0
			Phúc Điền	7.Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			Công Điền- Chi Thiện	8.Số ha ruộng bị thiệt hại:	245
			Liên Thành	9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			Tây Thành	10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	140
			Thiện Thắng	11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			Chi Thiện	12 kênh mương bị hư hỏng,	0
				13. Đất bị lở lúp	0
			14. Ước tính thiệt hại kinh tế:		
Feb-16			Phương Điền	1. Số người chết/mất tích:	0
			Minh Điền	2. Số người bị thương:	0
			Bảo Điền	3.Số nhà bị thiệt hại:	0
			Lương Điền	4.Số trường học bị thiệt hại:	0
			Mỹ Điền	5.Số trạm y tế bị thiệt hại:	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			Hậu Điền	6.Số km đường bị thiệt hại:	0
			Phúc Điền	7.Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			Công Điền- Chi Thiện	8.Số ha ruộng bị thiệt hại:	245
			Liên Thành	9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			Tây Thành	10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	140
			Thiện Thắng	11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			Chi Thiện	12 kênh mương bị hư hỏng,	0
				13. Đất bị lở lúp	0
				14. Ước tính thiệt hại kinh tế:	
May-05		Hạn hán, nắng nóng	Phương Điền	1. Số người chết/mất tích:	0
			Minh Điền	2. Số người bị thương:	0
			Bảo Điền	3.Số nhà bị thiệt hại:	0
			Lương Điền	4.Số trường học bị thiệt hại:	0
			Mỹ Điền	5.Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			Hậu Điền	6.Số km đường bị thiệt hại:	0
			Phúc Điền	7.Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			Công Điền- Chi Thiện	8.Số ha ruộng bị thiệt hại:	16
			Liên Thành	9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			Tây Thành	10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	20
			Thiện Thắng	11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			Chi Thiện	12 kênh mương bị hư hỏng,	0
				13. Đất bị lở lúp	0
	14. Ước tính thiệt hại kinh tế:				
Jun-05		Sét		1. Số người chết/mất tích:	0
			Minh Điền	2. Số người bị thương:	0
				3.Số nhà bị thiệt hại:	25
				4.Số trường học bị thiệt hại:	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				5.Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
		Hậu Điền		6.Số km đường bị thiệt hại:	0
				7.Số ha rừng bị thiệt hại:	0
				8.Số ha ruộng bị thiệt hại:	2
				9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
				10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0
				11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
				12 kênh mương bị hư hỏng,	0
				13. Đất bị lở lãp	0
				14. Ước tính thiệt hại kinh tế:	
Mar-06		Phương Điền		1. Số người chết/mất tích:	0
		Minh Điền		2 .Số người bị thương:	0
		Bảo Điền		3.Số nhà bị thiệt hại:	450
		Lương Điền		4.Số trường học bị thiệt hại:	0
		Mỹ Điền		5.Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
		Hậu Điền		6.Số km đường bị thiệt hại:	0
		Phúc Điền		7.Số ha rừng bị thiệt hại:	0
		Công Điền-Chí Thiện		8.Số ha ruộng bị thiệt hại:	201
		Liên Thành		9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
		Tây Thành		10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0
		Thiện Thắng		11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
		Chí Thiện		12 kênh mương bị hư hỏng,	0
				13. Đất bị lở lãp	0

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

STT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến[1]	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
			(Cao/Trung Bình/Thấp)		(Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Phương Điền	TB	Tăng	TB
		Minh Điền	TB	Tăng	TB
		Bảo Điền	TB	Tăng	TB
		Lương Điền	TB	Tăng	TB
		Mỹ Điền	TB	Tăng	TB
		Hậu Điền	TB	Tăng	TB
		Phúc Điền	TB	Tăng	TB
		Công Điền - Chi Thiện	TB	Tăng	TB
		Liên Thành	TB	Tăng	TB
		Tây Thành	TB	Tăng	TB
		Thiện Thắng	TB	Tăng	TB
		Chi Thiện	TB	Tăng	TB
2	Ngập lụt	Phương Điền	TB	Giữ nguyên	TB
		Minh Điền	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Bảo Điền	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Lương Điền	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Mỹ Điền	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Hậu Điền	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Phúc Điền	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Công Điền - Chi Thiện	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Liên Thành	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Tây Thành	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Thiện Thắng	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
		Chi Thiện	Thấp	Giữ nguyên	Thấp
3	Hạn hán	Phương Điền	TB	Giữ nguyên	TB
		Minh Điền	TB	Giữ nguyên	TB
		Bảo Điền	TB	Giữ nguyên	TB

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		Lương Điền	TB	Giữ nguyên	TB
		Mỹ Điền	TB	Giữ nguyên	TB
		Hậu Điền	TB	Giữ nguyên	TB
		Phúc Điền	TB	Giữ nguyên	TB
		Công Điền - Chi Thiện	TB	Giữ nguyên	TB
		Liên Thành	TB	Giữ nguyên	TB
		Tây Thành	TB	Giữ nguyên	TB
		Thiện Thắng	TB	Giữ nguyên	TB
		Chi Thiện	TB	Giữ nguyên	TB
4	Rét	Phương Điền	TB	Tăng ít	TB
		Minh Điền	TB	Tăng ít	TB
		Bảo Điền	TB	Tăng ít	TB
		Lương Điền	TB	Tăng ít	TB
		Mỹ Điền	TB	Tăng ít	TB
		Hậu Điền	TB	Tăng ít	TB
		Phúc Điền	TB	Tăng ít	TB
		Công Điền - Chi Thiện	TB	Tăng ít	TB
		Liên Thành	TB	Tăng ít	TB
		Tây Thành	TB	Tăng ít	TB
		Thiện Thắng	TB	Tăng ít	TB
		Chi Thiện	TB	Tăng ít	TB

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



Commented [BVH1]:
Commented [BVH2R1]: Bổ sung bản đồ kích thước BĐKH - nước dâng 100m hoặc bản đồ ngập lụt siêu bão

(Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH của xã Nghĩa Thành)

4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi (trẻ dưới 16 tuổi, chưa tách)		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Phương Điền	14	37	34	66	6	68	78	1	2	2	3	10	13		
2	Minh Điền	8	26	11	112	5	50	90	7	13	13	18	3	5		
3	Bảo Điền	13	39	23	49	7	61	111	10	17	3	5	3	6		
4	Lương Điền	8	30	18	30	2	25	51	3	6	2	4	3	6		
5	Mỹ Điền	12	29	23	45	7	35	65	23	45	1	1	3	1		
6	Hậu Điền	25	68	59	145	6	87	189	5	6	3	10	11	23		
7	Phúc Điền	6	17	70	152	9	58	100	2	10	1	4	6	11		
8	Công Điền - Chi Thiện	27	84	70	145	7	82	157	0	2	4	5	18	37		
9	Liên Thành	15	48	82	149	3	62	80	1	4	2	6	14	27		
10	Tây Thành	13	52	79	132	6	78	103	2	5	0	3	8	16		
11	Thiện Thảng	20	63	96	147	0	7	9	5	6	3	5	11	21		
12	Chi Thiện	13	43	36	84	6	52	95	7	12	2	8	12	19		
	Tổng	174	536	601	1,256	64	665	1,128	66	128	36	72	102	185	-	-

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng		
					Kiên cố	Chưa kiên cố	
	Cột điện	Phương Điền	1990	96 cột	x		
	Dây điện			3,8 km	x		
	Trạm điện			1 cái	x		
	Cột điện	Minh Điền	1990	85 cột	x	5 cái	
	Dây điện			2,9km	x		
	Trạm điện			0 cái	x		
	Cột điện	Bảo Điền	1990	105	x		
	Dây điện			3,1km	x		
	Trạm điện			1 cái	x		
	Cột điện	Lương Điền	1990	178 cột	x		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	Dây điện			5,340 km	x		
	Trạm điện			0 cái	x		
	Cột điện	Mỹ Điền	1990	50 cột	x		
	Dây điện			1,5km	x		
	Cột điện	Hậu Điền	1990	176 cột	x		
	Dây điện			5,290km	x		
	Trạm điện			1 cái	x		
	Cột điện	Phúc Điền	1990	100 cột	x		
	Dây điện			3km	x		
	Trạm điện			1 cái	x		
	Cột điện	Công Điền - Chi Thiện	1990	184 cột	x		
	Dây điện			5,520km	x		
	Trạm điện			1 cái	x		
	Cột điện	Liên Thành	1990	60 cột	x		
	Dây điện			1,8km	x		
	Trạm điện			0 cái	x		
	Cột điện	Tây Thành	1990	70 cột	x		
	Dây điện			2,1km	x		
	Trạm điện			1 cái	x		
	Cột điện	Thiện Thắng	1990	76 cột	x		
	Dây điện			2,3km	x		
	Trạm điện			0 cái	x		
	Cột điện	Chi Thiện	1990	78 cột	x		
	Dây điện			2,35	x		
	Trạm điện			1 cái	x		

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường						
	Đường quốc lộ						
	Đường tỉnh/huyện	Phương Điền					
	Đường xã		2017	700m			
	Đường thôn		2016	2 tuyến = 1,100m		x	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Đường nội đồng		2015	2 tuyến = 800m		x	
Đường quốc lộ	Minh Điền					
Đường tỉnh/huyện						
Đường xã						
Đường thôn		2010	1 tuyến = 800m		x	560 mét
Đường nội đồng		2017	1 tuyến = 400m		x	1,500 m
Đường nội đồng			2 tuyến = 800m			x
Đường quốc lộ	Bảo Điền					
Đường tỉnh/huyện		2015	1.000 m	x		
Đường xã			1 tuyến = 700m	x		
Đường thôn		2008	3 tuyến = 1,200 m		x (kém)	
Đường nội đồng		2016	1 tuyến = 700m		x	
Đường nội đồng			6 tuyến 1,800m			x
Đường quốc lộ	Lương Điền					
Đường tỉnh/huyện						
Đường xã			1 tuyến 500m	x kém		
Đường thôn		2005	7 tuyến = 3,400m		x (kém)	
Đường nội đồng		2006	1 tuyến = 400m		x (kém)	
Đường nội đồng			5 tuyến = 2,000m			x
Đường quốc lộ	Mỹ Điền					
Đường tỉnh/huyện						
Đường xã			2 tuyến = 800m	x		
Đường thôn		2017	3 tuyến = 1.200m		x	
Đường thôn		2005	1 tuyến = 400m		x (kém)	
Đường nội đồng			3 tuyến = 1.200m			x
Đường quốc lộ	Hậu Điền					
Đường tỉnh/huyện						
Đường xã			1 tuyến 700m	x (kém)		
Đường thôn		2018	1 tuyến 500m		x	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Đường thôn		2005	4 tuyến 2000m		x (kém)	
Đường nội đồng		2005	4 tuyến = 2.000m		x (kém)	
Đường quốc lộ	Phúc Điền					
Đường tỉnh/huyện						
Đường xã		2005	1 tuyến = 800m	x (kém)		
Đường thôn		2005	3 tuyến = 2.100 m		x (kém)	
Đường nội đồng			3 tuyến = 1.500m			x
Đường quốc lộ						
Đường tỉnh/huyện	Công Điền- Chi Thiện		1 tuyến = 800m	x		
Đường xã						
Đường thôn			1 tuyến = 1,200m		x	
Đường thôn		2005	10 tuyến = 5,000m		x (kém)	
Đường nội đồng		2005	2 tuyến = 1,000m		x (kém)	
Đường nội đồng			7 tuyến = 3,500m			x
Đường quốc lộ	Liên Thành					
Đường tỉnh/huyện						
Đường xã						
Đường thôn			1 tuyến = 500m		x	
Đường thôn		2005	4 tuyến = 2,000m		x (kém)	
Đường nội đồng			3 tuyến = 1,500m			x
Đường quốc lộ	Tây Thành					
Đường tỉnh/huyện						
Đường xã		2005	1 tuyến 400m	x		
Đường thôn		2005	7 tuyến 2,800m		x (kém)	
Đường nội đồng			5 tuyến = 2,700m			x
Đường quốc lộ	Thiện Thắng					
Đường tỉnh/huyện						
Đường xã			1 tuyến 700m	x		
Đường thôn		2017	2 tuyến = 800m	1.120 m	x	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Đường thôn		2005	2 tuyến = 600m		x (kém)	
Đường nội đồng		2005	2 tuyến = 800m		x (kém)	
Đường nội đồng			3 tuyến = 1,200m			x
Đường quốc lộ						
Đường tỉnh/huyện						
Đường xã						
Đường thôn	Chi Thiện	2016	3 tuyến 2,000		x	
Đường thôn		2005	3 tuyến 1,600		x (kém)	
Đường nội đồng		2005	2 tuyến 600m		x (kém)	
Đường nội đồng			3 tuyến 1,600			x
	T					
Cầu, Cổng						
Cầu giao thông						
Cổng	Lương Điền	lâu lắm rồi	2		x (kém)	
Cầu giao thông						
Cổng	Hậu Điền	lâu lắm rồi	1		x (kém)	
Cầu giao thông						
Cổng	Phúc Điền	lâu lắm rồi	1		x (kém)	
Cầu giao thông						
Cổng	Công Điền- Chi Thiện	lâu lắm rồi	3		x (kém)	
Cầu giao thông						
Cổng	Tây Thành	lâu lắm rồi	3		x (kém)	
Cầu giao thông						
Cổng	Chi Thiện	lâu lắm rồi	3		x (kém)	
<p><i>Ghi chú khác: Rất nhiều đường liên thôn và đường nội đồng tuy đã được làm bằng bê tông nhưng do làm đã lâu nên hiện tại chất lượng rất kém, xuống cấp ngày một xấu hơn, nhưng chính quyền địa phương chưa bố trí được kinh phí để nâng cấp, sửa chữa trong ngắn hạn.</i></p>						

c) Trường

TT	Trường	Thôn[2]	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trường trung học cơ sở Dõa Khuê	Tây Thành	1994	10	x (kém)		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

2	Trường học A	Tiểu	Tây Thành	2003	12	x (kém)		
3	Trường học B (cũ)	Tiểu	Liên Thành	1997	10	x (kém)		
3	Trường học B	Tiểu	Liên Thành	2011	6 (phòng chức năng)	x (trung bình)		
4	Trường non A	Mầm	Tây Thành	1997	8	x (kém)		
4	Trường non A	Mầm	Tây Thành	2017	9	x		
5	Trường non B	mầm	Liên Thành	2000	6	x (kém)		
Ghi chú khác								
Hướng dẫn điền								

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng	
						Kiên cố	Bán kiên cố
	Trạm y tế	Tây Thành	1996	8	2	x (kém)	
Ghi chú khác: Nhìn chung những trường học được xây dựng từ những năm 2000 trở về trước đã bị xuống cấp, chất lượng kém, đường điện trong trường chất lượng kém và có nguy cơ xảy ra giật điện trong mùa mưa bão.							

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ sở UBND	Xã Nghĩa Thành	2010	320 m2	x		
2	Nhà Văn Hóa	Phương Điền	2005	70m2	x (kém)		
3	Nhà Văn Hóa	Mình Điền	2018	70m2	x		
4	Nhà Văn Hóa	Bảo Điền	2010	70m2	x (kém)		
5	Nhà Văn Hóa	Lương Điền	2015	75m2	x		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

6	Nhà Văn Hóa	Hậu Điền	2013	70m2	x		
7	Nhà Văn Hóa	Phúc Điền	2000	70m2	x (kém)		
8	Nhà Văn Hóa	Công Điền - Chi Thiện	2012	70m2	x (kém)		
9	Nhà Văn Hóa	Liên Thành	2015	75m2	x		
10	Nhà Văn Hóa	Tây Thành	2016	75m2	x		
11	Nhà Văn Hóa	Thiện Thắng	2000	70m2	x (kém)		
12	Nhà Văn Hóa	Chi Thiện	2000	70m2	x (kém)		
<p>Ghi chú khác: Những nhà văn hóa được xây dựng từ năm 2000 trở về trước chất lượng đã kém, hệ thống đường điện và vệ sinh không đảm bảo cho trú ẩn trong thời gian thiên tai xảy ra.</p>							

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)

Tên thôn	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
Phương Điền						
	Kênh mương	Km	2016		2.3	
	Kênh mương	Km				10
Mình Điền						
	Kênh mương	Km	2018		1.2	
	Kênh mương	Km				7
Bảo Điền						
	Kênh mương	Km	2016		2.5	
	Kênh mương	Km				7
Lương Điền						
	Kênh mương	Km	2015		2.6	
	Kênh mương	Km				9
Mỹ Điền						
	Kênh mương	Km	2016		2.1	
	Kênh mương	Km				3
Hợp Điền						
	Kênh mương	Km	2017		4.3	
	Kênh mương	Km				11

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Phúc Điền						
	Kênh mương	Km	2016		1.6	
	Kênh mương	Km				5
Công Điền + Chi Thiện						
	Kênh mương	Km	2017		0,6	
	Kênh mương	Km				15
Liên Thành						
	Kênh mương	Km	2016		2.5	
	Kênh mương	Km				4
Tây Thành						
	Kênh mương	Km	2017		0.5	
	Kênh mương	Km				12
Thiện Thắng						
	Kênh mương	Km	2016		1.8	
	Kênh mương	Km				5
Chi Thiện						
	Kênh mương	Km	2015		2.3	
	Kênh mương	Km				7
	Ghi chú khác					
Hướng dẫn điền						

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Phương Điền	190	67	73	8	0
2	Mình Điền	136	48	52	6	1
3	Báo Điền	192	68	75	9	0
4	Lương Điền	246	123	130	17	0
5	Mỹ Điền	145	42	68	2	1
6	Hậu Điền	329	165	174	23	0
7	Phúc Điền	165	20	100	0	0
8	Công Điền - Chi Thiện	279	112	156	9	0
9	Liên Thành	151	60	84	5	0
10	Tây Thành	195	88	103	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

11	Thiên Thắng	151	67	82	2	0
12	Chi Thiện	194	81	106	6	0
	Tổng	2,373	941	1,203	87	2
	<i>Ghi chú khác</i>					

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn/xóm	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (Đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Phuong Điền	190	80	0	0	0	110	126	22	42
2	Mình Điền	136	133	0	0	0	3	131	5	0
3	Bảo Điền	192	126	0	0	0	66	146	46	0
4	Lương Điền	246	179	0	0	0	67	210	36	0
5	Mỹ Điền	145	113	0	0	0	32	120	25	0
6	Hậu Điền	329	247	0	0	0	82	275	54	0
7	Phúc Điền	165	138	0	0	0	27	74	35	56
8	Công Điền - Chi Thiện	279	250	0	0	0	29	230	49	0
9	Liên Thành	151	123	0	0	0	28	115	36	0
10	Tây Thành	195	176	0	0	0	19	156	39	0
11	Thiên Thắng	151	135	0	0	0	16	115	36	0
12	Chi Thiện	194	153	0	0	0	41	165	29	0
	Tổng	2,373	1,853	-	-	-	520	1,863	412	98
	<i>Ghi chú khác</i>									

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	48	7	0	0	0
4	Tay chân miệng	11	0	5	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đi nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	2	0	0	2
---	---	---	---	---	---	---

Ghi chú khác: Bệnh phụ khoa có thể thay đổi theo mùa và số lượng có thể cao hơn báo cáo vì có thể có những phụ nữ bị mắc bệnh phụ khoa nhưng không đi khám ở trạm y tế xã.

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

T T	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
	Rừng ngập mặn							
	Rừng trên cát							
	Rừng tự nhiên							
	Rừng ngập mặn	2003		191.37	67.70%	Trang + Bàn chua		
	Rừng ngập mặn	2018		91	0.00%	Trang + Bàn chua		
	Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng							
	Rừng khác							
	Tổng							

Ghi chú khác: Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ thiệt hại (**)
Thôn Phương Điền							
	Trồng trọt						
	- Lúa	Ha	33.3	133	95	chủ lực	75%
	- Hoa màu	ha	9.21	36	87	trung bình	85%

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	- Cây lâu năm	ha	2.02	23	53	trung bình	0%
	- Cây hàng năm	ha	3.00	29	60	trung bình	5%
	- Cây ăn quả	ha	0			thấp	5%
	Chăn nuôi						
	- Gia súc	con	210	25	85	trung bình	0%
	- Gia cầm	con	140	32	97	trung bình	5%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người					
	- Tàu thuyền xa bờ	tàu					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi: ha	ha	2.79		12	thấp	15%
	- Lồng bè	cái					
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
	Buôn bán và dịch vụ khác					thấp	5%
	Thôn Minh Điền						
	Trồng trọt						
	- Lúa	Ha	28.5	112	98	chủ lực	75%
	- Hoa màu	ha	6.25	29	68	trung bình	85%
	- Cây lâu năm	ha	1.79	12	23	trung bình	0%
	- Cây hàng năm	ha	2.13	26	45	trung bình	5%
	- Cây ăn quả	ha	0				5%

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Chăn nuôi con							
Gia súc	con	200	24	85			0%
Gia cầm	con	50	23	73			5%
Thủy Hải Sản Đánh bắt							
- Người dân đi biển	Người						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						
Thủy hải sản Nuôi trồng							
- Bãi nuôi	ha						
- Ao, hồ nuôi	ha	1.23	10	9			15%
- Lồng bè	cái						
Du lịch							
- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm						
- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm						
Buôn bán và dịch vụ khác							
Thôn Bảo Điền							
Trồng trọt ha							
Lúa	Ha	29.5	161	96	chủ lực		75%
'Hoa màu	ha	6.65	38	76	trung bình		85%
Cây lâu năm	ha	2.04	20	32	trung bình		0%
Cây hàng năm	ha	2.14	36	53	trung bình		5%
Cây ăn quả	ha	0					5%
Chăn nuôi con							
- Gia súc	con	156	28	76			0%
- Gia cầm	con	112	30	85			5%
Thủy Hải Sản Đánh bắt							
- Người dân đi biển	Người						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Thủy hải sản Nuôi trồng							
- Bãi nuôi	ha						
- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	2.52	23	12			15%
- Lồng bè	cái						
Du lịch							
- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm						
- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm						
Buôn bán và dịch vụ khác							
Thôn Lương Điền							
Trồng trọt ha							
Lúa	Ha	40.7	202	99	chủ lực		75%
Hoa màu	ha	9.30	56	103	trung bình		85%
Cây lâu năm	ha	4.24	36	86	trung bình		0%
Cây hàng năm	ha	2.54	28	76	trung bình		5%
Cây ăn quả	ha	0.00					5%
Chăn nuôi con							
- Gia súc	con	2280	38	92			0%
- Gia cầm	con	1520	40	86			5%
Thủy Hải Sản Đánh bắt							
- Người dân đi biển	Người						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						
Thủy hải sản Nuôi trồng							
- Bãi nuôi	ha						
- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	1.34	26	20			15%
- Lồng bè	cái						
Du lịch							
- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm						

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm						
Buôn bán và dịch vụ khác							
Thôn Mỹ Điền							
Trồng trọt ha							
Lúa	Ha	24	145	99.5	chủ lực	75%	
Hoa màu	ha	2.12	16	15	trung bình	85%	
Cây lâu năm	ha	5	70	60	trung bình	0%	
Cây hàng năm	ha	1.35	26	23	trung bình	5%	
Cây ăn quả	ha	0				5%	
Chăn nuôi con							
- Gia súc	con	300	45	89		0%	
- Gia cầm	con	1000	70	75		5%	
Thủy Hải Sản Đánh bắt							
- Người dân đi biển	Người						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						
Thủy hải sản Nuôi trồng							
- Bãi nuôi	ha						
- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	0.21	4	3		15%	
- Lồng bè	cái						
Du lịch							
- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm						
- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm						
Buôn bán và dịch vụ khác							
Thôn Hậu Điền							
Trồng trọt ha							
Lúa	Ha	65	329	97	chủ lực	75%	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	Hoa màu	ha	2.26	60	92	trung bình	95%
	Cây lâu năm	ha	1.12	30	5	trung bình	0%
	Cây hàng năm	ha	2.34	56	35	trung bình	5%
	Cây ăn quả	ha					5%
	Chăn nuôi con						
	- Gia súc	con	400	18	98		0%
	- Gia cầm	con	1700	50	83		5%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	5	45	2		15%
	- Lồng bè	cái					
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
	Buôn bán và dịch vụ khác						
	Thôn Phúc Điền						
	Trồng trọt ha						
	Lúa	Ha	29.60	165	93	chủ lực	75%
	Hoa màu	ha	5.00	50	94	trung bình	85%
	Cây lâu năm	ha	1.06	10	5	trung bình	0%
	Cây hàng năm	ha	2.00	26	35	trung bình	5%
	Cây ăn quả	ha					5%
	Chăn nuôi con						

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

- Gia súc	con	560	86	86		0%
- Gia cầm	con	740	120	94		5%
Thủy Hải Sản Đánh bắt						
- Người dân đi biển	Người					
- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
Thủy hải sản Nuôi trồng						
- Bãi nuôi	ha					
- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	3.00	25	3		15%
- Lồng bè	cái					
Du lịch						
- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
Buôn bán và dịch vụ khác						
Thôn Công Điền - Chỉ Thiện						
Trồng trọt ha						
Lúa	Ha	63.00	279	85	chủ lực	75%
Hoa màu	ha	6.00	72	76	trung bình	85%
Cây lâu năm	ha	3.10	56	52	trung bình	0%
Cây hàng năm	ha	3.00	32	23	trung bình	5%
Cây ăn quả	ha					5%
Chăn nuôi con						
- Gia súc	con	1350	70	94		0%
- Gia cầm	con	1650	95	75		5%
Thủy Hải Sản Đánh bắt						
- Người dân đi biển	Người					
- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
Thủy hải sản Nuôi						

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

trồng							
- Bãi nuôi	ha						
- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	15.00	12	4			45%
- Lồng bè	cái						
Du lịch							
- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm						
- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm						
Buôn bán và dịch vụ khác							
Thôn Liên Thành							
Trồng trọt ha							
Lúa	Ha	26.2	145	99	chủ lực		75%
'Hoa màu	ha	4.23	36	38	trung bình		85%
Cây lâu năm	ha	3.12	23	22	trung bình		0%
Cây hàng năm	ha	1.25	15	12	trung bình		5%
Cây ăn quả	ha						5%
Chăn nuôi con							
- Gia súc	con	325	86	85			0%
- Gia cầm	con	456	75	92			5%
Thủy Hải Sản Đánh bắt							
- Người dân đi biển	Người						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						
- Tàu thuyền gần bờ	tàu						
Thủy hải sản Nuôi trồng							
- Bãi nuôi	ha						
- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	1.23	15	4			15%
- Lồng bè	cái						
Du lịch							
- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm						
- Điểm/trung tâm dịch	Điểm						

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	vụ vui chơi giải trí và ăn uống						
	Buôn bán và dịch vụ khác						
Thôn Tây Thành							
	Trồng trọt ha						
	Lúa	Ha	30.25	191	97	chủ lực	75%
	'Hoa màu	ha	9.5	84	88	trung bình	85%
	Cây lâu năm	ha	5.4	62	60	trung bình	0%
	Cây hàng năm	ha	3.2	23	13	trung bình	5%
	Cây ăn quả	ha					5%
	Chăn nuôi con						
	- Gia súc	con	654	90	91		0%
	- Gia cầm	con	235	53	85		5%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	2.22	26	13		15%
	- Lồng bè	cái					
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
	Buôn bán và dịch vụ khác						
thôn Thiện Thắng							
	Trồng trọt ha						
	Lúa	Ha	25.9	151	93	chủ lực	75%
	'Hoa màu	ha	2.51	35	40	trung bình	85%

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	Cây lâu năm	ha	1.25	26	22	trung bình	0%
	Cây hàng năm	ha	1.1	26	15	trung bình	5%
	Cây ăn quả	ha					5%
	Chăn nuôi con						
	- Gia súc	con	853	76	85		0%
	- Gia cầm	con	457	35	92		5%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	0.95	9	2		15%
	- Lòng bè	cái					
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
	Buôn bán và dịch vụ khác						
	Nghề đan cói – thủ công mỹ nghệ						
	Thôn Chỉ Thiện						
	Trồng trọt						
	- Lúa	Ha	33.50	194	99	chủ lực	75%
	- Hoa màu	ha	10.07	68	73	trung bình	85%
	- Cây lâu năm	ha	4.50	19	2	trung bình	0%
	- Cây hàng năm	ha	4.00	23	12	trung bình	5%
	- Cây ăn quả	ha					5%
	Chăn nuôi						

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

- Gia súc	con	950	97	83		0%
- Gia cầm	con	1550	156	92		5%
Thủy Hải Sản Đánh bắt						
- Người dân đi biển	Người					
- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
Thủy hải sản Nuôi trồng						
- Bãi nuôi	ha					
- Ao, hồ nuôi	ha	2	16	8		15%
- Lòng bè	cái					
Du lịch						
- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
Buôn bán và dịch vụ khác						

Ghi chú khác

Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
Thôn Phương Điền			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	2
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	57
Thôn Minh Điền			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	1
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	67
Thôn Bảo Điền			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	1
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	48
Thôn Lương Điền			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	2
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	67
Thôn Mỹ Điền			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	1

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	45
Thôn Hậu Điền			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	3
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	84
Thôn Phúc Điền			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	2
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	58
Thôn Công Điền - Chỉ Thiện			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	3
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	106
Thôn Liên Thành			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	90
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	1
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	66
Thôn Tây Thành			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	3
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	67
thôn Thiện Thắng			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	2
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ	Không có	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	chứa phía thượng lưu)		
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	70
Thôn Chỉ Thiện			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	2
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	59

Ghi chú khác: Hộ dân sử dụng internet ngày một tăng và có cơ hội cho việc áp dụng công nghệ thông tin/phần mềm trong quản lý rủi ro thiên tai.

13. Phòng chống thiên tai/TỠBĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	12	
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	5	
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	0	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	14	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	1	
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	13 1	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	160	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BĐKH dựa vào cộng đồng	Người	36	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	1	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	0	
	- Áo phao	Chiếc	30	
	- Loa	Chiếc	4	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	- Đèn pin	Chiếc	6	
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	
	- Lều bạt	Chiếc	0	
	- Xe vận tải	Chiếc	0	
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị:		
10	Khác....			
<i>Ghi chú khác</i>				

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TỠĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn Phước Điền	Thôn Minh Điền	Thôn Bảo Điền	Thôn Lương Điền	Thôn Mỹ Điền	Thôn Hậu Điền	Thôn Phúc Điền	Thôn Công Điền-Chỉ Thiện	Thôn Liên Thành	Thôn Tây Thành	Thôn Thiện Thắng	Thôn Chỉ Thiện	Khả năng của xã
														(Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng													
	- Điện: điện lực huyện thực hiện	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Đường và cầu công: thuê nhà thầu làm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trường: Ban giám hiệu và nhà trường	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
	- Trạm y tế: nhân viên y tế	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

														binh
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Chợ	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi: nạo vét kênh mương; HTX nông nghiệp vận hành điều tiết nước	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
4	Kỹ năng và kiến thức chống chông nhà cửa	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
	Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Khả năng của thôn <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
<i>Ghi chú khác</i>														

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã		<p>Vật chất Trẻ em dưới 5 tuổi: 536 Trẻ em từ 5-16 tuổi: 1256 Phụ nữ có thai 64 Người cao tuổi 1128 Người khuyết tật 128 Người bị bệnh hiểm nghèo 72 Hộ nghèo 48 Người nghèo 185. Phụ nữ làm chủ hộ 416 Nhà thiếu kiên cố 87, nhà đơn sơ 2, nhà bán kiên cố 1203 Hộ cận nghèo: 222 Số hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm 22. 209 cột điện hạ thế xuống cấp và một số nằm trên nền đất yếu (ruộng) dễ bị sụt lún, đổ gãy</p> <p>- Hiện nay còn 4,96km đường liên xã, gần 13 km đường liên xóm bị xuống cấp không an toàn; 13,9/22,8km đường giao thông nội đồng nhỏ, hẹp, chưa được kiên cố dễ bị hư hỏng, sạt lở. 98 hộ không có nhà vệ sinh và 412 hộ dùng nhà vệ sinh tạm. Trạm y tế xã được xây dựng đã lâu (1996), bắt đầu xuống cấp năm tại thôn Tây Thành. Thiếu trang thiết bị y tế và một số trang thiết bị đã xuống cấp, hư hỏng</p> <p>Tổ chức xã hội: Đội cứu hộ/xung kích của xã: chưa có. Các đội xung kích chủ yếu thuộc biên chế đội Dân quân tự vệ của các xóm. Ít được tập huấn, diễn tập để nâng cao trình độ, năng lực. Thiếu phương tiện/trang thiết bị cứu hộ. Các thành viên ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã còn kiêm nhiệm nhiều việc nên phần nào gặp khó khăn trong công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai. Chất lượng của đội ngũ cán bộ y</p>	<p>Vật chất - 1853/2373 hộ có giếng khoan - Các trường học và công sở là nơi có thể sơ tán. - Số nhà vệ sinh hợp vệ sinh: 1863. - Số hộ giàu và khá: 2103 - nhà kiên cố 941 - UBND xã và 5 trường học đều là công trình kiên cố, có thể sử dụng làm nơi trú ẩn khi có bão mạnh - Trạm y tế có 5 cán bộ, gồm: 2 Bác sỹ; 1 y sỹ, 1 điều dưỡng, 1 dược sỹ (có 01 nam, 4 nữ) và 12 cán bộ y tế xóm, 3 y tế học đường (12 nữ, 3 nam) có chuyên môn nghiệp vụ. - Có đường tỉnh lộ 490C từ Nam Định tới Thị trấn Rạng Đông chạy qua, với chiều dài trên 1 km; có 6,96km đường trục xã gồm 3 tuyến (đường Thành Lâm dài 1,96km, đường Hòa Thành Lợi dài 4,2km, đường Lâm Hùng Hải dài 0,8km). Đường liên xã có 2/6,96km, đường liên thôn xã có 13 tuyến; có chiều dài 9,75km và đường giao thông trong khu dân cư có tổng chiều dài 29,7km đã được đổ nhựa và được bê tông cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới rất thuận lợi cho việc đi lại và lưu thông hàng hóa. - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1%</p>	<p>Nguy cơ thiệt hại về người do không kịp sơ tán.</p>	<p>Trung bình</p>

		<p>tế yếu</p> <p>Khả năng đoàn kết cộng đồng, làng xóm có lúc chưa tốt</p> <p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>số người chưa biết bơi: khoảng 50%</p> <p>Đa số người dân không biết kiến thức về phòng ngừa dịch bệnh và vệ sinh cá nhân</p> <p>Một bộ phận người dân còn chủ quan, ý lại, không chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, như: chưa chấp hành nghiêm lệnh sơ tán, chưa tự giác đóng góp vật tư khi có yêu cầu, chưa chủ động chằng chống nhà cửa, kho tàng.v.v.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% <p>Tổ chức xã hội</p> <p>Ban chỉ huy PCTT&TKCN 13 người và hàng năm được củng cố, được phân công nhiệm vụ cụ thể.</p> <p>Công tác chỉ huy sát thực tế, đã dự phòng được nguồn nhân lực, vật lực để ứng phó khi thiên tai xảy ra, như: Biên chế 178 lao động gồm những thanh niên khoẻ là lực lượng xung kích sẵn sàng hộ đê Cồn Xanh theo sự điều động của Ban chỉ huy PCTT&TKCN huyện.</p> <p>Hợp đồng với 5 chủ xe vận tải để chở vật tư và nhân dân đi sơ tán. Ủy ban nhân dân xã hợp đồng với chủ 2 máy phát điện (đã có xăng dầu, dây điện và bóng điện đầy đủ), 1.000 cọc tre có đường kính từ 8 đến 10cm, dài từ 2,5 đến 3m; 1.000 bao tải (có hợp đồng cụ thể với chủ hộ và các đại lý); 24 móng, 24 xẻng, 24 đèn pin (Mỗi xóm chuẩn bị 02) sẵn sàng tập kết tại các vị trí đã quy định.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p>		
--	--	--	--	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>nằm tại thôn Tây Thành. Thiếu trang thiết bị y tế và một số trang thiết bị đã xuống cấp, hư hỏng</p> <p>Tổ chức xã hội: Đội cứu hộ/xung kích của xã: chưa có. Các đội xung kích chủ yếu thuộc biên chế đội Dân quân tự vệ của các xóm. Ít được tập huấn, diễn tập để nâng cao trình độ, năng lực. Thiếu phương tiện/trang thiết bị cứu hộ. Các thành viên ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã còn kiêm nhiệm nhiều việc nên phần nào gặp khó khăn trong công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai. Chất lượng của đội ngũ cán bộ y tế yếu Khả năng đoàn kết cộng đồng, làng xóm có lúc chưa tốt</p> <p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ: Số người chưa biết bơi: khoảng 50% Đa số người dân không biết kiến thức về phòng ngừa dịch bệnh và vệ sinh cá nhân Một bộ phận người dân còn chủ quan, ý lại, không chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, như: chưa chấp hành nghiêm lệnh sơ tán, chưa tự giác đóng góp vật tư khi có yêu cầu.v.v.</p>	<p>tổng cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới rất thuận lợi cho việc đi lại và lưu thông hàng hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% <p>Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng đoàn kết cộng đồng, làng xóm tốt - Trạm y tế, đài truyền thanh và các đoàn thể đều có chương trình tuyên truyền cho người dân về cách phòng bệnh trong mùa lụt <p>Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ: Số người biết bơi chiếm 50% Đa số người dân đã có ý thức chằng chống, gia cố nhà cửa khi mùa mưa bão đến Đa số người dân tích cực tham gia công tác PCTT Nhân dân có tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau trong lúc thiên tai, hoạn nạn...</p>		
Lục	Phuong Điền,	730	<p>Vật chất Trẻ em dưới 5 tuổi: 195</p>	<p>Vật chất - 544 hộ có giếng khoan</p>	Người có thể	Thấp

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Tây Thành, Chi thiện, thiện tháng.	<p>Trẻ em từ 5-16 tuổi: 429 Phụ nữ có thai 18 Người cao tuổi 2885 Người khuyết tật 25 Người bị bệnh hiểm nghèo 19 Hộ nghèo 18 Người nghèo 69 Phụ nữ làm chủ hộ 135 Nhà thiếu kiên cố 16. Hộ cận nghèo: 69 Số hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm 126 – 42 nhà không có nhà vệ sinh (Xóm Phương Điền). - 5 km đường liên xóm bị xuống cấp không an toàn; 5,5km đường giao thông nội đồng nhỏ, hẹp, bằng đất chưa được kiên cố dễ bị hư hỏng, sạt lở. Trạm y tế xã được xây dựng đã lâu (1996), bắt đầu xuống cấp năm tại thôn Tây Thành. Thiếu trang thiết bị y tế và một số trang thiết bị đã xuống cấp, hư hỏng</p> <p>Tổ chức xã hội: Đội cứu hộ/xung kích của xã: chưa có. Các đội xung kích chủ yếu thuộc biên chế đội Dân quân tự vệ của các xóm. Ít được tập huấn, diễn tập để nâng cao trình độ, năng lực. Thiếu phương tiện/trang thiết bị cứu hộ. Các thành viên ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã còn kiêm nhiệm nhiều việc nên phân nào gặp khó khăn trong công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai. Chất lượng của đội ngũ cán bộ y tế yếu Khả năng đoàn kết cộng đồng, làng xóm có lúc chưa tốt</p> <p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ: số người chưa biết bơi: khoảng 50% Đa số người dân không biết kiến thức về phòng ngừa dịch bệnh và vệ sinh cá nhân Một bộ phận người dân còn chủ quan, ý lại, không chủ động</p>	<p>- Số nhà vệ sinh hợp vệ sinh: 562 - Số hộ giàu và khá: 645 - Trạm y tế có 5 cán bộ, gồm: 2 Bác sỹ; 1 y sỹ, 1 điều dưỡng, 1 dược sỹ (có 01 nam, 4 nữ) và 12 cán bộ y tế xóm, 3 y tế học đường (12 nữ, 3 nam) có chuyên môn nghiệp vụ. - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16%</p> <p>Tổ chức xã hội: - Khả năng đoàn kết cộng đồng, làng xóm tốt - Trạm y tế, đài truyền thanh và các đoàn thể đều có chương trình tuyên truyền cho người dân về cách phòng bệnh trong mùa lụt</p> <p>Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ: Số người biết bơi chiếm 50% Đa số người dân đã có ý thức chằng chống, gia cố nhà cửa khi mùa mưa bão đến Đa số người dân tích cực tham gia công tác PCTT</p>	bị dịch bệnh
------------------------------------	--	---	--------------

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			trong công tác phòng chống thiên tai, như: chưa chấp hành nghiêm lệnh sơ tán, chưa tự giác đóng góp vật tư khi có yêu cầu.v.v.			
<p>Ghi chú: Nhìn trên Sơ hoạ bản đồ RRTT có thể dễ dàng nhận thấy, 8 thôn ở phía trên gồm Công Điền, Chi thiện, Phúc Điền, Hậu Điền, Lương Điền, Bảo Điền, Minh Điền, Mỹ Điền, Liên Thành do ở vùng trũng thấp nên thường bị ngập lụt. mức độ rủi ro thiên tai về dịch bệnh do ô nhiễm môi trường ở những thôn này cũng vì thế mà cao hơn 4 thôn còn lại.</p>						
Rét	Toàn xã		<p>Vật chất Trẻ em dưới 5 tuổi: 536 Trẻ em từ 5-16 tuổi: 1256 Phụ nữ có thai 64 Người cao tuổi 1128 Người khuyết tật 128 Người bị bệnh hiểm nghèo 72 Hộ nghèo 48 Người nghèo 185. Phụ nữ làm chủ hộ 416 Nhà thiếu kiên cố 87, nhà đơn sơ 2, Hộ cận nghèo: 222 Trạm y tế xã được xây dựng đã lâu (1996), bắt đầu xuống cấp năm tại thôn Tây Thành. Thiếu trang thiết bị y tế và một số trang thiết bị đã xuống cấp, hư hỏng</p> <p>Tổ chức xã hội: Các thành viên ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã còn kiêm nhiệm nhiều việc nên phần nào gặp khó khăn trong công tác chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai. Chất lượng của đội ngũ cán bộ y tế yếu Khả năng đoàn kết cộng đồng, làng xóm có lúc chưa tốt</p> <p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ: Đa số người dân không biết kiến thức về phòng ngừa dịch bệnh và vệ sinh cá nhân Một bộ phận người dân còn chủ quan, ý lại, không chủ động trong công tác phòng chống thiên tai,</p>	<p>Vật chất - Số nhà vệ sinh hợp vệ sinh: 1863. - Số hộ giàu và khá: 2103 - Trạm y tế có 5 cán bộ, gồm: 2 Bác sỹ; 1 y sỹ, 1 điều dưỡng, 1 dược sỹ (có 01 nam, 4 nữ) và 12 cán bộ y tế xóm, 3 y tế học đường (12 nữ, 3 nam) có chuyên môn nghiệp vụ. - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16%</p> <p>Tổ chức xã hội: Khả năng đoàn kết cộng đồng, làng xóm tốt Trạm y tế, đài truyền thanh và các đoàn thể đều có chương trình tuyên truyền cho người dân về cách phòng bệnh trong mùa rét</p> <p>Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ: Đa số người dân tích cực tham gia công tác PCTT Nhân dân có tinh thần đoàn</p>	<p>Người già, trẻ em có nguy cơ mắc các bệnh về đường hô hấp.</p>	<p>Trung bình</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				kết giúp đỡ nhau trong lúc thiên tai, hoạn nạn...		
....						

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã	2373	<p>Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 cột điện hạ thế xuống cấp - Một số nằm trên nền đất yếu (ruộng) dễ bị sụt lún, đổ gãy - Trạm y tế xã được xây dựng đã lâu (1996), bắt đầu xuống cấp năm tại thôn Tây Thành. - Các công trình trường học được xây dựng đã lâu, các phòng học bắt đầu xuống cấp. - Hiện nay còn 4,96km đường liên xã, gần 13 km đường liên xóm bị xuống cấp không an toàn; 13,9/22,8km đường giao thông nội đồng nhỏ, hẹp, chưa được kiên cố dễ bị hư hỏng, sạt lở. <p>Tổ chức xã hội</p> <p>Việc sửa chữa các hư hỏng không được thường xuyên. Đôi lúc không kịp thời</p> <p>Nhà nước chưa có chương trình, kế hoạch để nâng cấp, gia cố hệ thống giao thông nội đồng, đường liên</p>	<p>* Vật chất</p> <p>1253 cột điện kiên cố, Hệ thống đường dây điện kiên cố, dây điện đảm bảo chất lượng</p> <p>Toàn xã có 5 trạm điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - 44,3km đường liên thôn, liên xã và đường nội đồng được kiên cố hoá. - Có đường tỉnh lộ 490C từ Nam Định tới Thị trấn Rạng Đông chạy qua, với chiều dài trên 1 km; có 6,96km đường trục xã gồm 3 tuyến (đường Thành Lâm dài 1,96km, đường Hòa Thành Lợi dài 4,2km, đường Lâm Hùng Hải dài 0,8km). Đường liên xã có 2/6,96km, đường liên thôn xã có 13 tuyến; có chiều dài 9,75km và đường giao thông trong khu dân cư có tổng chiều dài 29,7km đã được đổ nhựa và được bê tông cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới rất thuận lợi cho việc đi lại và lưu thông hàng hóa. - Trường THCS Doãn 	Cột điện có nguy cơ gây đổ, Đường giao thông bị hư hỏng, xuống cấp	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>thôn xuống cấp.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ tài sản công cộng</p>	<p>Khuê, Trường tiểu học Nghĩa Thành A và B, Trường Mầm Non Nghĩa Thành A, B có 55 phòng học, trong đó trường tiểu học Nghĩa Thành B có 6 phòng chức năng.</p> <p>Công sở xã kiên cố, có thể sử dụng làm nơi trú ẩn</p> <p>* Tổ chức xã hội</p> <p>- Xóm có nội quy sử dụng các công trình như cấm các xe quá tải trọng đi vào đường.</p> <p>- Hệ thống điện do công ty điện lực quản lý và duy tu, sửa chữa thường xuyên</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Đa số người dân có ý thức tốt về bảo vệ các công trình công cộng</p>		
Lụt	Công Điền – Chi thiện, Phúc Điền, Hậu Điền, Lương Điền, Bảo Điền, Minh Điền, Mỹ Điền, Liên Thành	<p>Vật chất</p> <p>5 cột điện hạ thế xuống cấp và một số nằm trên nền đất yếu (ruộng) dễ bị sụt lún, đổ gãy</p> <p>Hiện nay còn 4,96km đường liên xã, 13,2 km đường liên xóm bị xuống cấp không an toàn; 13,8/22,8km đường giao thông nội đồng bằng đất nhỏ, hẹp, chưa được kiên cố dễ bị hư hỏng, sạt lở. 3,4km đường giao thông nội đồng được bê tông hoá nhưng xuống cấp.</p> <p>Các công trình trường học được xây dựng đã lâu, các phòng học bắt đầu xuống cấp.</p> <p>Tổ chức xã hội</p> <p>Việc sửa chữa các hư hỏng</p>	<p>* Vật chất</p> <p>933 cột điện kiên cố, Hệ thống đường dây điện kiên cố, dây điện đảm bảo chất lượng</p> <p>Có 4 trạm điện</p> <p>6 km đường liên thôn, liên xã được kiên cố hoá.</p> <p>Hơn 25km đường nội đồng được bê tông hoá</p> <p>Các trường học đều ở những nơi có địa hình cao</p> <p>Công sở xã kiên cố, ở nơi cao.</p> <p>* Tổ chức xã hội</p> <p>- Xóm có nội quy sử dụng các công trình như cấm các xe quá tải trọng đi vào đường.</p>	Đường giao thông bị hư hỏng, xuống cấp.	Cao
				Cột điện bị hư hỏng	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>không được thường xuyên. Đôi lúc không kịp thời</p> <p>Nhà nước chưa có chương trình, kế hoạch đề nâng cấp, gia cố hệ thống giao thông nội đồng, đường liên thôn xuống cấp.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ tài sản công cộng</p>	<p>- Hệ thống điện do công ty điện lực quản lý và duy tu, sửa chữa thường xuyên</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Đa số người dân có ý thức tốt về bảo vệ các công trình công cộng</p>		
Lục	Phuồng Điền, Tây Thành, Chi Thiện, Thiện thắng	730	<p>Vật chất</p> <p>Đường giao thông liên thôn và nội đồng bằng đất hoặc bê tông hoá nhưng xây dựng lâu ngày xuống cấp: 9,2km.</p> <p>Trạm y tế xã được xây dựng đã lâu (1996), bắt đầu xuống cấp năm tại thôn Tây Thành.</p> <p>Các công trình trường học được xây dựng đã lâu, các phòng học bắt đầu xuống cấp.</p> <p>Tổ chức xã hội</p> <p>Việc sửa chữa các hư hỏng không được thường xuyên. Đôi lúc không kịp thời</p> <p>Nhà nước chưa có chương trình, kế hoạch đề nâng cấp, gia cố hệ thống giao thông nội đồng, đường liên thôn xuống cấp.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>Một số người dân chưa có ý thức bảo vệ tài sản công cộng</p>	<p>* Vật chất</p> <p>1253 cột điện kiên cố, Hệ thống đường dây điện kiên cố, dây điện đảm bảo chất lượng</p> <p>3 trạm điện</p> <p>- hơn 5 km đường liên thôn, liên xã và 8km đường nội đồng được kiên cố hoá.</p> <p>Các trường học đều ở những nơi có địa hình cao</p> <p>Công sở xã kiên cố, ở nơi cao.</p> <p>* Tổ chức xã hội</p> <p>- Xóm có nội quy sử dụng các công trình như cấm các xe quá tải trọng đi vào đường.</p> <p>- Hệ thống điện do công ty điện lực quản lý và duy tu, sửa chữa thường xuyên</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Đa số người dân có ý thức tốt về bảo vệ các công trình công cộng</p>	Đường giao thông bị hư hỏng, xuống cấp	Thấp
....	Ghi chú khác					

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU/BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Công Điền – Chi thiện, Phúc Điền, Hậu Điền, Lương Điền, Bảo Điền, Minh Điền, Mỹ Điền, Liên Thành	1643	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 62km kênh nội đồng bằng đất - 17.4 km kênh mương bán kiên cố. - Nằm trong nội đồng địa hình trũng thấp, rất dễ ngập úng. - Các cống của mương cấp 2 nhỏ, hẹp không đáp ứng nhu cầu tiêu thoát nước. - Địa bàn nằm sâu trong đất liền (so với các xã ven biển) nên việc tiêu úng gặp khó khăn (nước tại các xã ven biển sẽ được đổ ra cửa sông để tiêu thoát lụt trước) <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>Chưa kịp thời nạo vét khơi thông.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân có ý thức kém về sử dụng công trình thủy lợi, vẫn còn xả rác ra sông, mương. 	<p>Vật chất:</p> <p>Có hệ thống kênh mương cấp 2 của huyện chạy qua xã 20,68km</p> <p>Tổ chức xã hội</p> <p>Thương xuyên nạo vét hệ thống kênh thủy lợi</p> <p>Việc thu thủy lợi phí được người dân chấp hành đầy đủ, đúng quy định</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi 	Kênh nội đồng bằng đất có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp	Cao
Lụt	Phượng Điền, Tây	730	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 34km kênh nội đồng bằng đất - 6,9km kênh mương 	<p>Vật chất:</p> <p>4 thôn có địa hình cao hơn so với 8 thôn còn lại nên ít bị ảnh hưởng</p>	Kênh nội đồng bằng đất có nguy	Trung bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Thành, Chi Thiên, Thiên thẳng	<p>bán kiên cố.</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>Chưa kịp thời nạo vét khơi thông.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Một số người dân có ý thức kém về sử dụng công trình thủy lợi, vẫn còn xả rác ra sông, mương.</p>	<p>Tổ chức xã hội</p> <p>Thương xuyên nạo vét hệ thống kênh thủy lợi</p> <p>Việc thu thủy lợi phí được người dân chấp hành đầy đủ, đúng quy định</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Đa số người dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi</p>	<p>ơ bị sạt lở, bồi lấp</p>
Ghi chú khác			

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã	2373	<p>Vật chất</p> <p>- Nhà thiếu kiên cố 87, nhà đơn sơ 2, nhà bán kiên cố 1203.</p> <p>- Đa số nhà thiếu kiên cố xây dựng đã lâu, vật liệu cũ, xuống cấp</p> <p>- Hộ cận nghèo: 222</p> <p>- Hộ nghèo 48</p> <p>- Phụ nữ làm chủ hộ 416</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>- Đội cứu hộ/xung kích của xóm chưa được trẻ hóa.</p> <p>- Lực lượng phòng chống thay đổi thường xuyên do nhiều người không ở nhà</p> <p>- Trang thiết bị còn thiếu thốn</p>	<p>* Vật chất</p> <p>- 941 nhà kiên cố</p> <p>- Số hộ dân có tivi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1%</p> <p>- Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100%</p> <p>- Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16%</p> <p>* Tổ chức xã hội</p> <p>- Xã đang thực hiện xây dựng nông thôn mới nên có nhiều khoản hỗ trợ để đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ khó</p>	<p>Nhà thiếu kiên cố và nhà đơn sơ có thể bị sập đổ, tốc mái khi có bão từ cấp 8.</p> <p>Nhà bán kiên cố bị hư hỏng khi có bão từ cấp 10 đổ bộ.</p>	<p>Cao</p> <p>Trung bình</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ còn chủ quan trong việc chuẩn bị ứng phó với thiên tai, chẳng chống gia cố nhà cửa còn kém. - Đa số người dân chưa có kiến thức về nhà an toàn và chưa được trang bị kiến thức nhận diện nhà an toàn/không an toàn trước thiên tai 	<p>khẩn và đối tượng người có công với cách mạng.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số mọi người có kinh nghiệm trong việc phòng và tránh bão lụt và có ý thức giúp đỡ nhau khi bão lụt xảy ra 		
....	<i>Ghi chú khác</i>					

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TỰ ĐKKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Công Điền – Chi thiên, Phúc Điền, Hậu Điền, Lương Điền, Báo Điền, Minh Điền, Mỹ Điền, Liên Thành	1643	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> Trẻ em dưới 5 tuổi: 341 Trẻ em từ 5-16 tuổi: 827 Phụ nữ có thai 46 Người cao tuổi 843 Người khuyết tật 103 Người bị bệnh hiểm nghèo 53 Hộ nghèo 32 Người nghèo 116 – 61 là nữ. Phụ nữ làm chủ hộ 281 Hộ cận nghèo: 169 Số hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm 286. 56 hộ không có nhà vệ sinh (thôn Phúc Điền) - 100% chưa có nước máy để sử dụng - Thiếu thùng rác nơi công cộng - Nhiều hộ phải mua nước lọc bình - Người dân chủ yếu dùng giếng nước khoan chưa được xử lý. - Một số hộ dân chưa có nhà vệ 	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1309/1643 hộ có giếng khoan - Số nhà vệ sinh hợp vệ sinh: 1301. - Số hộ giàu và khá: 1458 - 20% hộ dân sử dụng máy lọc nước gia đình - 334 hộ có bể chứa nước - Số hộ dân có tivi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% <p>* Tổ chức xã hội:</p>	<p>Nguy cơ ô nhiễm môi trường, dịch bệnh.</p> <p>Giếng khoan bị nhiễm bẩn khi có lụt</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>sinh đảm bảo, chuồng trại chăn nuôi còn tạm bợ, chất thải chăn nuôi phát tán ra môi trường.</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền của y tế về vệ sinh môi trường còn ít - Chưa có hình thức xử phạt với người vi phạm về vệ sinh môi trường <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ thải nước chăn nuôi thẳng ra môi trường và chưa biết cách xử lý xác chết súc vật đúng quy cách - Một bộ phận người dân ý thức bảo vệ môi trường chưa cao, còn vứt rác thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi gây ảnh hưởng đến môi trường và nguồn nước trong sinh hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đội thu gom rác thải của xã và nhà máy xử lý rác thải <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức bảo vệ môi trường và dùng nước đảm bảo vệ sinh thái. - Các hộ chủ động đóng phí vệ sinh môi trường theo quy định. 		
Lục	Phuong Điền, Tây Thành, Chi Thiện, Thiện thắng	2373	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm 126 - Số hộ không có nhà vệ sinh 42 - 100% chưa có nước máy để sử dụng - Thiếu thùng rác nơi công cộng - Nhiều hộ phải mua nước lọc bình - Người dân chủ yếu dùng giếng nước khoan chưa được xử lý. - Một số hộ dân chưa có nhà vệ sinh đảm bảo, chuồng trại chăn nuôi còn tạm bợ, chất thải chăn nuôi phát tán ra môi trường. Trẻ em dưới 5 tuổi: 195 Trẻ em từ 5-16 tuổi: 429 Phụ nữ có thai 18 Người cao tuổi 2885 Người khuyết tật 25 Người bị bệnh hiểm nghèo 19 Hộ nghèo 18 Người nghèo 69 Phụ nữ làm chủ hộ 135 Nhà thiếu kiên cố 16. Hộ cận nghèo: 69 	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ sử dụng nhà vệ sinh hợp vệ sinh 562 - 544 hộ có nước giếng khoan - 20% hộ dân sử dụng máy lọc nước gia đình - 186 hộ có bể chứa nước - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội thu gom rác thải của xã và nhà máy xử lý rác thải <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p>	<p>Nguy cơ ô nhiễm môi trường, dịch bệnh.</p> <p>Giếng khoan bị nhiễm bẩn khi có lụt</p>	<p>Thấp</p> <p>Thấp</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền của y tế về vệ sinh môi trường còn ít - Chưa có hình thức xử phạt với người vi phạm về vệ sinh môi trường <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ thải nước chăn nuôi thẳng ra môi trường và chưa biết cách xử lý xác chết súc vật đúng quy cách - Một bộ phận người dân ý thức bảo vệ môi trường chưa cao, còn vứt rác thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi gây ảnh hưởng đến môi trường và nguồn nước trong sinh hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức bảo vệ môi trường và dùng nước đảm bảo vệ sinh thái. - Các hộ chủ động đóng phí vệ sinh môi trường theo quy định. 		
....	Ghi chú khác				

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐ KH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão – lụt – Rét	Toàn xã	2373	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em dưới 5 tuổi: 536 - Trẻ em từ 5-16 tuổi: 1256 - Phụ nữ có thai 64 - Người cao tuổi 1128 - Người khuyết tật 128 - Người bị bệnh hiểm nghèo 72 - Hộ nghèo 48 - Người nghèo 185. - Phụ nữ làm chủ hộ 416 <p>- Trạm y tế xã xây dựng từ năm 1996 đã xuống cấp và không có nhiều phòng điều trị bệnh</p> <p>- Trang thiết bị y tế cơ bản còn thiếu</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế xóm trình độ còn thấp, ít được đào tạo các lớp chuyên môn 	<p>* Vật chất:</p> <p>1853/2373 hộ có giếng khoan</p> <p>Số nhà vệ sinh hợp vệ sinh: 1863.</p> <p>Số hộ giàu và khá: 2103</p> <p>Trạm y tế có 5 cán bộ, gồm: 2 Bác sỹ; 1 y sỹ, 1 điều dưỡng, 1 dược sỹ (có 01 nam, 4 nữ) và 12 cán bộ y tế xóm, 3 y tế học đường (12 nữ, 3 nam) có chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>Trạm y tế có 13 phòng để khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.</p> <p>Trạm y tế đã được công</p>	<p>Nguy cơ bùng phát dịch bệnh trong và sau Bão, lụt, Rét hại.</p> <p>Nguy cơ hư hỏng cơ sở vật chất trạm y tế do bão</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>nghiep vu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phun trừ khử trùng sau thiên tai - Một số cán bộ y tế trình độ chuyên môn chưa cao, - 30% người dân chưa mua thẻ bảo hiểm y tế, chưa có tủ thuốc gia đình; - chưa xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về công tác vệ sinh môi trường. <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu kiến thức về thực phẩm an toàn. - Một bộ phận người dân ý thức bảo vệ môi trường chưa cao, còn vứt rác thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi gây ảnh hưởng đến môi trường và nguồn nước trong sinh hoạt. - 70% người dân chưa quan tâm, hoặc không có điều kiện để chăm sóc sức khỏe, như: không đi khám sức khỏe định kỳ, còn tự mua thuốc không theo đơn của bác sĩ. 	<p>nhận chuẩn quốc gia năm 2012</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% <p>*Tổ chức xã hội:</p> <p>Thực hiện các chiến dịch tiêm chủng cho trẻ và phụ nữ có thai đạt hiệu quả cao. Đến nay có gần 70% người dân có BHYT;</p> <p>Xã và các xóm có quy chế, quy ước về công tác vệ sinh môi trường; Các tổ chức đoàn thể đã tổ chức truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân về công tác vệ sinh môi trường; phòng chống dịch bệnh; chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho người già và trẻ em, nhất là khi có thiên tai xảy ra.</p> <p>*Nhận thức thái độ động cơ: Có 70% người dân đã quan tâm chăm sóc đến sức khỏe của bản thân và gia đình;</p> <p>100% gia đình đã có ý thức đưa trẻ dưới 6 tuổi đi tiêm phòng hàng tháng theo quy định.</p> <p>Đa số hộ dân tự giác chấp hành quy chế thu gom rác thải và có ý thức tốt trong bảo vệ môi trường.</p> <p>Nhiều gia đình đã mua máy lọc nước;</p> <p>Một số hộ chăn nuôi đã xây dựng chuồng trại kiên cố, có hầm biogas.</p>		
....	Ghi chú khác				

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã	2373	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em dưới 5 tuổi: 536 - Trẻ em từ 5-16 tuổi: 1256 - Hộ nghèo 48 - Người nghèo 185. - Phụ nữ làm chủ hộ 416 - Học sinh không biết bơi chiếm 95% - Nhà trường không có bể bơi và các lớp dạy bơi - Nhiều em học sinh thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo còn thiếu thốn phương tiện đi lại và đồ dùng học tập <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có lớp tập huấn về kỹ năng phòng chống thiên tai tại cơ sở xóm <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ huynh còn thiếu quan tâm đến việc dạy và cho các em đi học bơi 	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường THCS Doãn Khuê, Trường tiểu học Nghĩa Thành A và B, Trường Mầm Non Nghĩa Thành A, B có 55 phòng học, trong đó trường tiểu học Nghĩa Thành B có 6 phòng chức năng. Các trường học đều ở những nơi có địa hình cao. - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường có thông báo cụ thể đến các học sinh nghỉ học khi có bão lụt lớn. - Học sinh được học kiến thức về phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu qua các giờ học ngoại khoá hoặc lồng ghép vào các môn học chính khoá. <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ huynh hướng dẫn kiến thức cho các em về phòng chống thiên tai 	<p>Học sinh có nguy cơ phải nghỉ học khi có bão</p> <p>Cơ sở vật chất trường học bị hư hỏng, xuống cấp</p>	<p>Cao</p> <p>Trung bình</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

....	<i>Ghi chú khác</i>
------	---------------------

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã	2373	<p>Vật chất</p> <p>- 91 ha cây trang và cây bản mới trồng năm 2008</p> <p>- Đất nền nâng cao lên hàng năm do cơ chế tụ lắng và giữ đất của rễ cây làm cho nước mặn không ngập đến được những nơi cao dẫn đến làm chết cây rừng.</p> <p>Tổ chức xã hội:</p> <p>Lực lượng bảo vệ rừng mỏng, thiếu phương tiện và kinh phí hỗ trợ bảo vệ thấp</p> <p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ.</p> <p>Một số hộ đánh đặng (một dụng cụ bắt cá và thủy hải sản) làm ảnh hưởng đến cây con mới trồng.</p> <p>Một số hộ vẫn lén lút nuôi dê trong rừng ngập mặn.</p> <p>Vẫn có tình trạng lén lút phá rừng nhỏ lẻ mà lực lượng bảo vệ rừng không phát hiện kịp thời.</p>	<p>Vật chất</p> <p>191,37 ha đã trồng rừng từ năm 2003 trong đó thành rừng là 67,7%</p> <p>Tổ chức xã hội:</p> <p>Lực lượng bảo vệ rừng của xã được thành lập và phối hợp với kiểm lâm khu vực của huyện Nghĩa Hưng tổ chức tuần tra, bảo vệ rừng.</p> <p>Các chế tài xử phạt vi phạm quy chế bảo vệ rừng được tuyên truyền đến người dân.</p> <p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>Đa số hộ dân có ý thức bảo vệ rừng tốt vì nhận thấy lợi ích nhiều mặt từ rừng ngập mặn (Bảo vệ đê và đằm nuôi trồng thủy sản trong đê, làm đa dạng các loài thủy hải sản dưới tán rừng ngập mặn).</p>	<p>50% diện tích rừng mới trồng có nguy cơ bị chết, hoặc phát triển chậm.</p> <p>Diện tích rừng</p>	Trung bình
....	<p>Ghi chú khác: Đất rừng ngập mặn của xã Nghĩa thành được giao quản lý ngoài bờ biển (đoạn giáp xã Nam điền) tách biệt địa bàn xã và cách khoảng 9km. Toàn bộ diện tích rừng ngập mặn được trồng với vai trò phòng hộ và không giao cho hộ cá nhân. Việc quản lý và bảo vệ được thực hiện trực tiếp bởi UBND xã và lực lượng kiểm lâm.</p> <p>Ngoài ra, xã còn có hơn 200 ha diện tích bờ biển, hiện nay đang được xã cho các hộ đấu thầu để nuôi ngao, vạng.</p>					

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Công Điền Chi thiện, Phúc Điền, Hậu Điền, Lương Điền, Báo Điền, Minh Điền, Mỹ Điền, Liên Thành	1643	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 62 km kênh nội đồng bằng đất - Nằm trong nội đồng địa hình trũng thấp, rất dễ ngập úng. - Các cống của mương cấp 2 nhỏ, hẹp không đáp ứng nhu cầu tiêu thoát nước. - Địa bàn nằm sâu trong đất liền (so với các xã ven biển) nên việc tiêu úng gặp khó khăn (Nước tại các xã ven biển sẽ được đò ra cửa sông để tiêu thoát lụt trước) - 348,31ha/348,31 ha diện tích lúa và rau màu trong vùng trũng dễ bị ngập úng <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn sử dụng giống lúa thuần và thuốc bảo vệ không đúng theo hướng dẫn của Hợp tác xã - Công tác điều hành sản xuất của Ban nông nghiệp có lúc chưa sát với tình hình thực tế cho nên việc tưới, tiêu nước nhiều khi chưa đủ, chưa đúng thời điểm; - Thuốc bảo vệ thực vật, chưa được quản lý chặt chẽ, còn trôi nổi trên thị trường. - Thị trường tiêu thụ sản phẩm nhỏ hẹp, giá cả bấp bênh, “được mùa mất giá, được giá mất mùa” chưa có đầu ra, chưa có bao tiêu sản phẩm, luôn bị ép giá nên thu nhập từ các ngành nghề thường không ổn định. - Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật chưa thường xuyên. Kinh phí tập huấn còn hạn chế. - Sự liên kết giữa các hộ sản xuất và các doanh nghiệp để tìm 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 19,7 km kênh mương bán kiên cố. - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>HTX dịch vụ nông nghiệp cung cấp giống, phân bón đầy đủ, đúng chất lượng, giá cạnh tranh cho người dân.</p> <p>Ban Nông nghiệp xã và HTX KDDV Nông nghiệp đã chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể mở các lớp tập huấn kỹ thuật về sản xuất lúa, hoa màu theo mùa vụ; khuyến cáo về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.</p> <p>Ban Nông nghiệp luôn quan tâm chỉ đạo và đôn đốc công tác trồng lúa, trồng màu, phòng trừ sâu bệnh, công tác thu hoạch đúng thời vụ.</p> <p>Hội nông dân, Hội Phụ nữ đã tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước để nhân dân vay đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo ngành nghề, tăng thêm thu nhập.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ đã mạnh dạn 	Lúa và hoa màu có thể bị mất mùa, giảm năng suất, dịch bệnh do ngập úng trên diện rộng.	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>đầu ra cho sản phẩm chưa chất chẽ.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu cơ sở vật chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, còn sử dụng sức người là chính - Nhiều người dân không thiết tha với nghề trồng lúa vì thu nhập thấp nên không đầu tư mà muốn chuyển đổi sang các ngành nghề khác. - không chủ động thu hoạch hoa màu khi Bão tới, - Nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu còn hạn chế, nhiều người chưa chủ động trong việc phòng ngừa ứng phó với thiên tai, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật để thích nghi với điều kiện thực tế tại địa phương. 	<p>đưa máy móc vào sản xuất nông nghiệp thay thế sức người</p> <p>thuê</p>		
Lụt	Phương Điền, Tây Thành, Chí Thiện, Thiện thắng	730	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 32 km kênh mương nội đồng chưa kiên cố, dễ bị sạt lở, hư hỏng, vùi lấp gây ách tắc dòng chảy cục bộ <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn sử dụng giống lúa thuần và thuốc bảo vệ không đúng theo hướng dẫn của Hợp tác xã - Công tác điều hành sản xuất của Ban nông nghiệp có lúc chưa sát với tình hình thực tế cho nên việc tưới, tiêu nước nhiều khi chưa đủ, chưa đúng thời điểm; - Thuốc bảo vệ thực vật, chưa được quản lý chặt chẽ, còn trôi nổi trên thị trường. - Thị trường tiêu thụ sản phẩm nhỏ hẹp, giá cả bấp bênh, “được mùa mất giá, được giá mất mùa” chưa có đầu ra, chưa có bao tiêu sản phẩm, luôn bị ép giá nên thu nhập từ các ngành nghề thường không ổn định. - Tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật chưa thường xuyên. Kinh phí 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6.9 km kênh mương bán kiên cố - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>Ban Nông nghiệp xã và HTX KDDV Nông nghiệp đã chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể mở các lớp tập huấn kỹ thuật về sản; khuyến cáo về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.</p> <p>Ban Nông nghiệp luôn quan tâm chỉ đạo và đôn đốc công tác trồng lúa, trồng màu, phòng trừ sâu bệnh, công tác thu hoạch đúng thời vụ.</p> <p>Hội nông dân, Hội Phụ nữ đã tiếp cận các nguồn vốn</p>	<p>Lúa và hoa màu có thể bị mất mùa, giảm năng suất, dịch bệnh.</p> <p>Đồng lúa mùa và đồng màu có nguy cơ bị ngập cục bộ, gây giảm năng suất</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>tập huấn còn hạn chế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự liên kết giữa các hộ sản xuất và các doanh nghiệp để tìm đầu ra cho sản phẩm chưa chặt chẽ. <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu cơ sở vật chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, còn sử dụng sức người là chính - Nhiều người dân không thiết tha với nghề trồng lúa vì thu nhập thấp nên không đầu tư mà muốn chuyển đổi sang các ngành nghề khác. - Không chủ động thu hoạch hoa màu khi Bão tới, - Nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu còn hạn chế, nhiều người chưa chủ động trong việc phòng ngừa ứng phó với thiên tai, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật để thích nghi với điều kiện thực tế tại địa phương. 	<p>uru đất của Nhà nước để nhân dân vay đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo ngành nghề, tăng thêm thu nhập.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ đã mạnh dạn đưa máy móc vào sản xuất nông nghiệp thay thế sức người <p>thuê</p>		
Bão	Toàn xã	2373	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95 km kênh mương chưa kiên cố, dễ bị sạt lở, hư hỏng, vùi lấp gây ách tắc dòng chảy. Tưới tiêu chủ yếu theo cơ chế tự chảy. - 348,31 ha/502.55 ha diện tích lúa và rau màu trong vùng trũng dễ bị ngập úng <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn sử dụng giống lúa thuần và thuốc bảo vệ không đúng theo hướng dẫn của Hợp tác xã - Công tác điều hành sản xuất của Ban nông nghiệp có lúc chưa sát với tình hình thực tế cho nên việc tưới, tiêu nước nhiều khi chưa đủ, chưa đúng thời điểm; - Thuốc bảo vệ thực vật, chưa được quản lý chặt chẽ, còn trôi nổi trên thị trường. - Thị trường tiêu thụ sản phẩm nhỏ hẹp, giá cả bấp bênh, “được mùa mất giá, được giá mất mùa” 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km kênh mương bán kiên cố - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>Ban Nông nghiệp xã và HTX KDDV Nông nghiệp đã chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể mở các lớp tập huấn kỹ thuật về sản xuất; khuyến cáo về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.</p> <p>Ban Nông nghiệp luôn quan tâm chỉ đạo và đôn đốc công tác trồng lúa, trồng màu, phòng trừ sâu bệnh,</p>	Lúa mùa và hoa màu có thể bị gãy đổ, giảm năng suất.	Trung bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>chưa có đầu ra, chưa có bao tiêu sản phẩm, luôn bị ép giá nên thu nhập từ các ngành nghề thường không ổn định. - Tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật chưa thường xuyên. Kinh phí tập huấn còn hạn chế.</p> <p>- Sự liên kết giữa các hộ sản xuất và các doanh nghiệp để tìm đầu ra cho sản phẩm chưa chặt chẽ.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Thiếu cơ sở vật chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, còn sử dụng sức người là chính</p> <p>- Nhiều người dân không thiết tha với nghề trồng lúa vì thu nhập thấp nên không đầu tư mà muốn chuyển đổi sang các ngành nghề khác.</p> <p>- Không chủ động thu hoạch hoa màu khi Bão tới,</p> <p>- Nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu còn hạn chế, nhiều người chưa chủ động trong việc phòng ngừa ứng phó với thiên tai, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật để thích nghi với điều kiện thực tế tại địa phương.</p>	<p>công tác thu hoạch đúng thời vụ.</p> <p>Hội nông dân, Hội Phụ nữ đã tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước để nhân dân vay đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo ngành nghề, tăng thêm thu nhập, không quá phụ thuộc vào thu nhập từ trồng trọt như trước kia.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Một số hộ đã mạnh dạn đưa máy móc vào sản xuất nông nghiệp thay thế sức người</p> <p>thuê</p>		
Rét đậm, rét hại	Toàn xã	2373	<p>* Vật chất:</p> <p>- 95 km kênh mương chưa kiên cố, dễ bị sạt lở, hư hỏng, vùi lấp gây ách tắc dòng chảy, gây thất thoát nước. Tưới tiêu chủ yếu theo cơ chế tự chảy.</p> <p>- 502,55 ha diện tích lúa và rau màu trên địa bàn bị ảnh hưởng bởi rét đậm rét hại</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>- Còn sử dụng giống lúa thuần và thuốc bảo vệ không đúng theo hướng dẫn của Hợp tác xã</p> <p>- Công tác điều hành sản xuất của Ban nông nghiệp có lúc chưa sát với tình hình thực tế cho nên việc tưới, tiêu nước nhiều khi chưa đủ, chưa đúng thời điểm;</p>	<p>* Vật chất:</p> <p>- 24 km kênh mương bán kiên cố dẫn nước tốt.</p> <p>-Số hộ dân có tivi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1%</p> <p>- Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100%</p> <p>- Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16%</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>Ban Nông nghiệp xã và HTX KDDV Nông nghiệp đã chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể mở các lớp tập huấn kỹ thuật về sản xuất và các biện pháp tránh rét cho cây trồng;</p>	Mạ non và lúa thời kỳ đầu và hoa màu có thể bị mất mùa, giảm năng suất.	Trung bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>- Thuốc bảo vệ thực vật, chưa được quản lý chặt chẽ, còn trôi nổi trên thị trường.</p> <p>- Thị trường tiêu thụ sản phẩm nhỏ hẹp, giá cả bấp bênh, “được mùa mất giá, được giá mất mùa” chưa có đầu ra, chưa có bao tiêu sản phẩm, luôn bị ép giá nên thu nhập từ các ngành nghề thường không ổn định. - Tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật chưa thường xuyên. Kinh phí tập huấn còn hạn chế.</p> <p>- Sự liên kết giữa các hộ sản xuất và các doanh nghiệp để tìm đầu ra cho sản phẩm chưa chặt chẽ.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Thiếu cơ sở vật chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, còn sử dụng sức người là chính</p> <p>- Nhiều người dân không thiết tha với nghề trồng lúa vì thu nhập thấp nên không đầu tư mà muốn chuyển đổi sang các ngành nghề khác.</p> <p>- Nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu còn hạn chế, nhiều người chưa chủ động trong việc phòng ngừa ứng phó với thiên tai, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật để thích nghi với điều kiện thực tế tại địa phương.</p>	<p>khuyến cáo về thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.</p> <p>Ban Nông nghiệp luôn quan tâm chỉ đạo và đôn đốc công tác trồng lúa, trồng màu, phòng trừ sâu bệnh, công tác thu hoạch đúng thời vụ.</p> <p>Hội nông dân, Hội Phụ nữ đã tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước để nhân dân vay đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo ngành nghề, tăng thêm thu nhập.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Một số hộ đã mạnh dạn đưa máy móc vào sản xuất nông nghiệp thay thế sức người thuê.</p> <p>Người dân có kinh nghiệm trồng rau màu, phát triển thành hàng hoá mang lại thu nhập cao.</p>		
....	<i>Ghi chú khác</i>				

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão –lụt Rét	Toàn xã	2373	* Vật chất: - Chuồng trại chăn nuôi còn	* Vật chất: - Gia súc 8238 con	Gia súc cảm nguy cơ	Thấp

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

đậm, rét hại		<p>chưa kiên cố khi mưa to gió lớn làm đổ chuồng và tốc mái, nền chông chưa cao khi mưa mưa đến độ ẩm cao dễ phát sinh dịch bệnh 1 số hộ còn xả thải trực tiếp ra môi trường</p> <p>- Không có trang trại lớn chủ yếu các gia trại nhỏ vì chưa có vốn đầu tư nên ít áp dụng công nghệ chăn nuôi</p> <p>- Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nằm lẫn trong khu dân cư. con giống sức chịu đựng kém nên dễ bị chết và dịch bệnh khi có thiên tai làm giảm thu nhập của người dân.</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>- Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường trong chăn nuôi còn ít</p> <p>Tỷ lệ tiêm phòng cho vật nuôi chưa cao.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Một số hộ dân chưa chủ động tiêm phòng cho vật nuôi để tăng sức đề kháng cho vật nuôi</p> <p>- Vệ sinh chuồng trại chưa tốt vật nuôi dễ bị nhiễm bệnh</p>	<p>- Gia cầm 9610 con</p> <p>- Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1%</p> <p>- Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100%</p> <p>- Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16%. Thuận lợi cho việc tiếp nhận thông tin cảnh báo thiên tai và học hỏi kỹ thuật chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh trên mạng internet</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>- Tổ chức tiêm phòng thường xuyên cho vật nuôi</p> <p>-</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>Nhiều hộ gia đình đã đầu mua sắm trang thiết bị, chủ động đầu tư nguồn lực để nâng cấp cơ sở hạ tầng, như đầu tư máy móc, xây dựng cơ sở sản xuất, chăn nuôi hiện đại, đảm bảo vệ sinh môi trường.</p>	<p>bị chết dịch bệnh.</p> <p>Bão – Lụt làm hỏng chuồng trại chăn nuôi</p>	<p>Trung bình</p>
....	<i>Ghi chú khác</i>				

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BD KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Lục	Toàn xã	2373	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn xã có 37,49 ha ao đầm nuôi thủy sản nội đồng. 90% bờ bao chưa được kiên cố. - Diện tích ao nuôi nội đồng có quy mô nuôi trồng còn nhỏ lẻ, manh mún không tập trung. 234 hộ/37,49 ha - Khu nhà ở tạm ngoài đầm/ao không kiên cố. Các kho dự trữ thức ăn tạm bợ, dễ bị tổn thương trước bão. <p>Môi trường thường bị ô nhiễm, chất lượng con giống thấp chưa thích nghi với môi trường, nhất là trong tình hình BĐKH lên năng suất, sản lượng giảm</p> <p>Tổ chức xã hội:</p> <p>Xã chưa có hiệp hội/hợp tác xã nuôi trồng thủy sản. Các hộ nuôi phải tự hoạch định toàn bộ quy trình nuôi từ đầu vào, đầu ra và con giống cũng như tìm kiếm thị trường.</p> <p>Thị trường khá phụ thuộc vào thương lái.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân chủ quan trong phòng tránh bão lũ - Kinh nghiệm nuôi trồng còn hạn chế 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống kênh mương tiêu thoát nước trong khu vực nuôi tập trung. - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16%. Thuận lợi cho việc tiếp nhận thông tin cảnh báo thiên tai và học hỏi kỹ thuật/kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản, phòng trừ dịch bệnh trên mạng internet. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả thủy sản ổn định - Nuôi trồng theo mùa tránh mưa bão. - Các công ty thức ăn thủy sản thường mở các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng cho các hộ, đồng thời giới thiệu sản phẩm. <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân chủ động bảo vệ thủy sản khi mưa bão. - Các hộ có kinh nghiệm nuôi trồng. - Chủ động lựa chọn những đối tượng nuôi theo nhu cầu, đòi hỏi của thị trường. 	<p>Bờ bao dễ bị vỡ, hư hỏng.</p> <p>Thiệt hại về thủy sản do lụt</p>	<p>Cao</p> <p>Trung bình</p>
Bão	Toàn xã	190	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn xã có 37,49 ha ao đầm nuôi thủy sản. 90% bờ bao chưa được kiên cố. 120ha do người dân đầu thầu nuôi sát biển, nuôi tập trung. 120ha do người dân đầu thầu nuôi sát biển, nuôi tập trung dễ bị tiếp xúc với bão. - Diện tích ao nuôi nội đồng có quy mô nuôi trồng còn nhỏ lẻ, manh mún không tập trung. 234 hộ/37,49 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống kênh mương tiêu thoát nước trong khu vực nuôi tập trung. - Khu nuôi thủy sản ven biển đã có đê kiên cố quốc gia được xây dựng. - Có rừng ngập mặn được trồng từ năm 1997 của các xã Nghĩa Thắng, Nam Điền, Nghĩa Lâm và Nghĩa Thành 	<p>Bờ bao dễ bị vỡ, hư hỏng.</p> <p>Thiệt hại về thủy sản do lụt ở các diện tích đầu thầu sát đê biển.</p>	<p>Cao</p> <p>Cao</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>ha</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu nhà ở tạm ngoài đầm/ao không kiên cố. Các kho dự trữ thức ăn tạm bợ, dễ bị tổn thương trước bão. <p>Môi trường thường bị ô nhiễm, chất lượng con giống thấp chưa thích nghi với môi trường, nhất là trong tình hình BĐKH lên năng suất, sản lượng giảm</p> <p>Tổ chức xã hội:</p> <p>Xã chưa có hiệp hội/hợp tác xã nuôi trồng thủy sản. Các hộ nuôi phải tự hoạch định toàn bộ quy trình nuôi từ đầu vào, đầu ra và con giống cũng như tìm kiếm thị trường.</p> <p>Thị trường khá phụ thuộc vào thương lái.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân chủ quan trong phòng tránh bão lũ - Kinh nghiệm nuôi trồng còn hạn chế 	<p>hiện được quản lý và bảo vệ tốt, có tác dụng chắn sóng, hạn chế sức mạnh của gió tốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ dân có tivi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16%. Thuận lợi cho việc tiếp nhận thông tin cảnh báo thiên tai và học hỏi kỹ thuật/kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản, phòng trừ dịch bệnh trên mạng internet. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả thủy sản ổn định - Nuôi trồng theo mùa tránh mưa bão. - Các công ty thức ăn thủy sản thường mở các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng cho các hộ, đồng thời giới thiệu sản phẩm. <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân chủ động bảo vệ thủy sản khi mưa bão. - Các hộ có kinh nghiệm nuôi trồng. - Chủ động lựa chọn những đối tượng nuôi theo nhu cầu, đòi hỏi của thị trường. 	<p>Gió bão làm hư nhà kho, dụng cụ và thiết bị nuôi trồng thủy sản</p>	<p>Cao</p>
<p>....</p>					
<p>Ghi chú khác: Số diện tích ao nuôi 120ha cạnh bờ biển do 75 hộ dân trong xã (có hộ khẩu ở các thôn khác nhau) đầu thầu để nuôi thủy sản tập trung tại một khu do xã quản lý.</p> <p>Số diện tích này đã được bao bọc bởi đê kiên cố, có hệ thống rừng ngập mặn được trồng từ năm 1997 giúp hạn chế tác động của gió bão đến thủy sản trong khu nuôi tập trung.</p> <p>Tuy nhiên, do quy định về việc cấm xây dựng trên hành lang đê, nên các hộ không được đầu tư xây nhà kiên cố. Mỗi khi có bão họ không có nơi trú ẩn an toàn. Cùng với việc người nuôi phải trực, canh ao nuôi kể cả khi có thiên tai nên mỗi khi có bão, ngoài việc nguy cơ thiệt hại về thủy sản thì khả năng người nuôi có thể bị thương, bị ảnh hưởng sức khỏe, tính mạng là khá cao.</p>					

12. Du lịch

Xã Nghĩa Thành không có hoạt động du lịch.

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐ KH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão - Lụt	Toàn xã	2373	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các lều quán bán hàng nhỏ, chưa kiên cố - Buôn bán tự phát - Chưa có kho để cất trữ hàng hóa. - Xã có một chợ trung tâm tại thôn Mỹ Điền thường bị ngập khi có mưa, lụt vì ở vùng trũng thấp. - Các Kiosk của chợ chủ yếu là các công trình thiếu kiên cố, yếu. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý VSATTP còn chưa chặt chẽ. Chất lượng trôi nổi. <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số chủ cửa hàng vì lợi nhuận mà buôn bán hàng giả, nhái, kém chất lượng. - Một số người bán hàng nông sản nhỏ lẻ thường lấn chiếm lòng đường để bày bán hàng gây cản trở giao thông nông thôn. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 21 hộ đầu tư kinh doanh các mặt hàng nhu yếu phẩm. Có kho tích trữ hàng hoá, đảm bảo cung cấp cho nhu cầu của thị trường trong xã ngay cả khi có thiên tai. - Các cửa hàng, kho bãi gắn liền với hộ gia đình nên việc bảo vệ hàng hoá trong thiên tai thuận lợi. - Các mặt hàng được bán tại xã đa dạng: Nhu yếu phẩm, lương thực, thực phẩm, thuốc, Vật tư đầu vào cho nông nghiệp, thủy sản, giáo dục, chăn nuôi. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các dịch vụ sửa chữa điện tử, điện lạnh và xe máy cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. - Đơn vị quản lý trợ thường xuyên dọn dẹp vệ sinh chợ. - Chợ được quy hoạch các khu hàng hoá khác nhau. - Quan tâm đến hộ kinh doanh khi có thiệt hại do bão lụt <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ đã chủ động học tập nâng cao năng lực về kinh doanh, buôn bán nhỏ. - Các hộ kinh doanh chủ động theo dõi thông tin về thời tiết, 	<p>Nguy cơ bị hư hại hàng hoá cho các tiểu thương ở chợ.</p> <p>Một số mặt hàng thiết yếu bị đẩy giá lên cao sau mỗi đợt thiên tai</p>	<p>Thấp</p> <p>Cao</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				thiên tai để có các biện pháp bảo vệ hàng hoá.		
....	<i>Ghi chú khác</i>					

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão – lụt; Rét đậm	Toàn xã	2373	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 40% hộ không có internet - Thiếu loa cầm tay, âm ly di động để truyền truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai. - Hệ thống pano, áp phích truyền thông, cảnh báo, hướng dẫn sơ tán của xã làm bằng chất liệu bạt mau hỏng, lại để ngoài trời không có lớp bảo vệ nên dễ bị rách, hỏng. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>Năng lực truyền thông của các đoàn thể xã thôn không đồng đều.</p> <p>Chưa có kế hoạch/chiến lược truyền thông riêng biệt cho nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Mà nội dung này chỉ được lồng ghép.</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số ít có ý thức không tốt về bảo vệ tài sản công. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa phát thanh của xã có 23 cái mới được trang bị 1 năm, chất lượng tốt, rải đều ở các xóm trong xã. - Máy phát của đài truyền thanh xã có công suất 1200W đủ để phát, truyền thông tin đến toàn xã và có khả năng đầu nối thêm loa khi có điều kiện. - Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh là 99,1% - Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 100% - Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn 100% - Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin 66,16% - Hệ thống sơ đồ hướng dẫn sơ tán đặt tại các điểm công cộng (Chợ, khu uỷ ban, trạm y tế và các Nhà văn hoá xóm) - BCH phòng chống thiên tai của xã/UBND xã có máy phát 	<p>Hệ thống cột loa, dây điện và loa bị hư hỏng do bão.</p> <p>Hệ thống pano, áp phích bị hư hỏng do bão</p>	<p>Trung bình</p> <p>Cao</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>Một số thậm chí còn có các hành vi cố ý phá hoại hệ thống loa của xã, các xóm.</p>	<p>điện. Có thể phát điện khi mất điện trong thiên tai, đảm bảo thông tin cảnh báo thông suốt.</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tuyên truyền diễn biến bão lụt. - Cán bộ truyền thanh có khả năng biên tập thông tin, thông điệp để cảnh báo khi có thiên tai (Bão, lụt, rút, hạn hán...) <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>Đa số hộ dân có ý thức tốt trong việc bảo vệ hệ thống loa truyền thanh của xã (Cũng như bảo vệ tài sản công)</p>		
....	<i>Ghi chú khác</i>					

15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão – Lụt	Toàn xã	2373	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu các phương tiện, trang thiết bị cứu nạn: áo phao, loa cầm tay, cang thương, áo mưa, đèn pin, ùng...cho đội cứu hộ <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng xung kích già hóa, nhiều khi không có ở địa phương. - Lực lượng xung kích thường xuyên biến động, thay đổi nên không kịp tập huấn, đào tạo cho các thành viên mới. - Chưa được diễn tập PCTT hàng năm - Cán bộ thôn ít được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH - Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã là 14 người (1 nữ) được đào tạo về kiến thức quản lý nói chung và phổ biến về nội dung phòng chống thiên tai, Biến đổi khí hậu. - Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn của xã là 160 người. Lực lượng này thường trực ở các thôn, mỗi thôn từ 13-15 người. - xã có Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng là 36 người. Đã được dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam hỗ trợ, đào tạo. - Vật tư thiết bị phòng chống 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ. 	Trung bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ không chịu sơ tán khi có thông báo 	<p>thiên tai tại xã: Máy phát điện 1 máy, áo phao 30, Loa cầm tay 4 cái, đèn pin 6 chiếc.</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 12 xóm/thôn đều có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm. - Hàng năm các trường cũng xây dựng kế hoạch phòng chống và ứng phó với thiên tai cho trường của mình (2 trường mầm non, 2 trường tiểu học và 1 trường THCS) <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ động dự trữ nước sạch, thực phẩm trước mùa bão lụt. - Đa số hộ chủ động gia cố, chằng chống nhà cửa khi có thôn tin về bão đổ bộ. 		
....	<i>Ghi chú khác</i>				

16. Giới trong PCTT và BĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão – lụt	Toàn xã	2373	<p>-* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 83% phụ nữ không biết bơi - Số hộ do phụ nữ làm chủ hộ toàn xã 416, chiếm 17,5% số hộ trong toàn xã. - có 48 hộ nghèo và 222 hộ cận nghèo, trong đó có 102 phụ nữ nghèo. Những hộ này phụ nữ vất vả, thiếu việc phụ, nghề phụ làm thêm nên thu nhập thấp. 	<p>- * Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số chị em được hỗ trợ kinh phí đi tập huấn đào tạo nghề. - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đàn ông gánh vác các công việc nặng nhọc như đi xây, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu việc làm, thu nhập thấp, thiếu nợ sau thiên tai. - Phụ nữ mắc các bệnh phụ 	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>Toàn xã có 66 phụ nữ bị khuyết tật trên tổng số 128 người và 36 phụ nữ mắc bệnh hiểm nghèo.</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>- Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT.</p> <p>Do phân công lao động, phụ nữ chiếm giữ vai trò chính trong trồng trọt và chăn nuôi (Phụ nữ chiếm 90% trong việc cấy lúa 70% công việc chăm bón và 50% khối lượng công việc thu hoạch, và 70% khối lượng công việc gieo cấy hoa màu. Đến kỳ gieo cấy, họ phải dành thời gian từ 10-12 tiếng đồng hồ/ngày ở ngoài đồng, tiếp xúc trực tiếp với nắng nóng hoặc thậm chí mưa. Trong việc thu hoạch phụ nữ và nam giới phân công nhau 50-50 khối lượng công việc, tuy nhiên, mùa mưa lụt họ phải gặt chạy lụt, việc tiếp xúc với nước lụt làm tăng nguy cơ mắc bệnh phụ khoa và các bệnh khác. Trong chăn nuôi, phụ nữ trong gia đình cũng là nhân tố chính chăm sóc vật nuôi, điều này khiến họ tiếp xúc thường xuyên với môi trường chuồng trại ô nhiễm. Đặc biệt trong mùa bão lụt, nước ngập chuồng trại chăn nuôi làm gia tăng công việc phải làm cho phụ nữ.)</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>Nhiều phụ nữ thụ động, cam chịu, ít chủ động học hỏi để nâng cao trình độ và cam chịu các định kiến.</p> <p>Nhiều phụ nữ bị thiếu vốn và thiếu kiến thức sử dụng vốn trong sản xuất, kinh doanh.</p>	<p>sản</p> <p>- Có các buổi tập huấn do chi hội phụ nữ xóm tổ chức về tự chủ trong PCTT</p> <p>* Kỹ năng, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:</p> <p>- Một số hộ đã có tư tưởng tiến bộ, nam nữ bình đẳng trong gia đình và ra ngoài xã hội.</p> <p>- Đa số người nam biết thông cảm, chia sẻ công việc gia đình cùng phụ nữ</p>	<p>khoa và suy giảm sức khỏe.</p>	
....	<i>Ghi chú khác</i>				

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Đan Cói

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình,

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

						Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão lụt	Toàn xã	2373/79 lao động tham giaندان cói	<p>Chủ mua ép giá.</p> <p>Bị mua chịu tiền bán sản phẩm,</p> <p>Nhiều người tham gia nên có hiện tượng chèn ép người đan.</p> <p>Chưa có tổ chức riêng của những người làm cói.</p> <p>Giá cả mua nguyên liệu cao.</p> <p>Phải nguyên liệu từ địa phương khác, đôi khi bị ép giá.</p> <p>Chính quyền chưa có chính sách khuyến khích phát triển nghề phụ này, chủ yếu do các hộ dân tự phát.</p> <p>Một số hộ nghèo không tự mua được máy ép cói.</p>	<p>Có một hộ đứng ra cung cấp nguyên liệu, thu mua sản phẩm và sẵn sàng dạy nghề cho những người mới.</p> <p>Công việc nhẹ, phù hợp với đối tượng lao động nữ, người già.</p> <p>779 lao động tham gia nghề.</p> <p>Tiếp cận dễ với nguyên liệu.</p> <p>Tay nghề thành thạo.</p> <p>Người biết đan sẵn sàng dạy nghề lại cho những người muốn học.</p> <p>Những người đan giỏi thành thành thạo thì đã tự trang bị máy ép cói, và sẵn sàng chỉ sẻ cho hàng xóm dung máy chung.</p> <p>Hội phụ nữ xã đã tuyên truyền để phát triển nghề phụ bằng cách đan cói tang thu nhập cho chị em.</p> <p>Thị trường tiêu thụ tốt, ổn định từ khi bắt đầu có nghề đến nay (3 năm).</p> <p>Người dân chịu khó, có khả năng học hỏi nhanh các mẫu hàng mới để đáp ứng nhu cầu thị trường.</p>	<p>Sản phẩm bị ép giá.</p> <p>Mưa bão gây ẩm mốc sản phẩm và nguyên liệu.</p> <p>Phải dừng sản xuất khi có mưa bão, lụt kéo dài.</p>	<p>Trung bình</p> <p>Cao</p>
....	<p>Ghi chú khác</p> <p>Đan cói thủ công là một nghề truyền thống tại huyện Nghĩa Hưng đặc biệt ở các xã Nghĩa Lợi,</p>					

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

<p>Nghĩa Thắng và bắt đầu phát triển mạnh và nhân rộng trên phạm vi toàn xã Nghĩa Thành từ năm 2017. Đan cói thủ công là nghề mà hiện nay có hơn 700 chị em phụ nữ trong các hộ gia đình tại Nghĩa Thành đều tham gia và đang có xu hướng tăng lên do các nghề khác như khai thác thủy sản, đi làm công nhân nhà máy không đem lại hiệu quả, phải xa gia đình nên các chị em đã tự học, truyền nghề cho nhau và phát triển đến bây giờ. Nghề đan cói không cần vốn nhiều nên đối tượng là chị em phụ nữ, hộ nghèo, cận nghèo đều có thể tham gia được. Các chị em cho biết chỉ cần khoảng 17 triệu đồng mua nguyên liệu cói là đủ cho 1 người có thể đan được 1 năm. Nguyên liệu cói 1 phần do địa phương có thể trồng được, 1 phần nhập từ Thanh Hóa và Ninh Bình. Doanh thu hàng ngày mỗi người khoảng 200 nghìn đồng/ngày. Các sản phẩm cói đều có đại lý thu mua. Ở trong xã và các xã lân cận có các HTX, cơ sở chuyên thu mua các sản phẩm cói của chị em để xuất cho các công ty lớn xuất khẩu cho các nước ở Đông Âu làm sản phẩm du lịch.</p> <p>Bên cạnh những mặt thuận lợi như vốn ít, các chị em có thể tự học và truyền nghề cho nhau, nhu cầu thị trường lớn để xuất khẩu và bán cho khách du lịch nước ngoài thì đan cói có những hạn chế như mất nhiều thời gian, công sức để tạo nên 1 sản phẩm cói bán ra thị trường, khâu bảo quản, giữ cói khô không bị ẩm còn hạn chế, các chị em hiện nay phần lớn vẫn còn dùng máy ép tay để ép sợi cói nên tốn nhiều thời gian và công sức. Các hộ đan cói trong xã vẫn chưa có sự liên kết với nhau, mạnh ai người ấy làm, manh mún, không tập trung nên việc kiên kết thị trường đầu vào, đầu ra gặp khó khăn. Hầu hết các mẫu mã cói hay giá cả đều do các thương lái đặt hàng mà người dân chưa chủ động tìm kiếm, kết nối thị trường và đôi khi còn bị các chủ thu mua ép giá, hạ phẩm cấp sản phẩm.</p>
--

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BDKH

TT	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nhà có thể bị hư hỏng, đổ sập, tốc mái khi có bão từ cấp 10 trở lên	<p>* Vật chất:</p> <p>Nhà ở bán kiến cố: 1203</p> <p>- Nhà thiếu kiên cố: 87.</p> <p>- Hộ Nghèo:</p> <p>- Thiếu nhân lực để chăm chống trước mùa thiên tai, toàn xã có 102 phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình.(Riêng xóm Công Điền- Chỉ thiện có 18/37 phụ nữ nghèo đơn thân)</p> <p>- Người khuyết tật : 135</p> <p>- Người mắc bệnh hiểm nghèo: 70</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>Thiếu nhân lực chăm chống nhà cửa khi có thiên tai.</p> <p>* Nhận thức kinh</p>	<p>* Vật chất:</p> <p>- Thiếu công ăn việc làm.</p> <p>- Một số hộ bị bệnh hiểm nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ nuôi con nhỏ nên không có kinh phí để nâng cấp sửa chữa, xây mới nhà ở</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>Chưa đáp ứng được chính sách hỗ trợ cho người nghèo.</p> <p>- Một số lực lượng thanh niên xung kích của địa phương đi làm ăn xa</p> <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <p>- Người dân chưa được tập huấn về kiến thức</p>	<p>- Hỗ trợ xây nhà cho các hộ có nhà thiếu kiên cố (đặc biệt những hộ phụ nữ nghèo đơn thân; có người khuyết tật và mắc bệnh hiểm nghèo)</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <p>- Có chính sách phù hợp hỗ trợ cho các đối tượng khó khăn (Đầu tư, cho vay vốn).</p> <p>- Cùng cố , xây dựng đội xung kích cơ sở thường xuyên có mặt tại địa phương.</p> <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <p>- Mở các lớp đào tạo dạy nghề, tạo công ăn việc làm cho người dân (đặc biệt là</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ còn chủ quan trong việc phòng chống thiên tai - Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai. 	<p>phòng chống thiên tai và quản lý RRTT.</p>	<p>phụ nữ nghèo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền về PCTT, kỹ năng chằng chống nhà cửa cho người dân, chú trọng đtao các kyn cho cả phụ nữ và nam giới. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân cả nam giới và phụ nữ về quản lý rủi ro thiên tai/ Biến đổi khí hậu
2	<p>Hệ thống kênh mương bị hư hỏng, ùn tắc khi có thiên tai</p>	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số cống nhỏ, hẹp thường xuyên bị ách tắc dòng chảy. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ban ngành chuyên môn chưa quan tâm <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn vứt rác bừa bãi gây ách tắc dòng chảy 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã không có ngân sách để duy tu, bảo dưỡng hằng năm <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có các chế tài cụ thể để xử phạt nhưng hành vi vi phạm . <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức của một số hộ dân còn kém. Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ nâng cấp hệ thống kênh mương và cầu cống. - Đầu tư kinh phí cho việc sửa chữa và nạo vét hệ thống kênh mương thường xuyên. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các chế tài cụ thể cho từng xóm - Xử lý nghiêm minh những đối tượng vi phạm <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về phòng ngừa dịch bệnh, nước sạch và vệ sinh môi trường. Chú trọng truyền thông nội dung này cho nam giới để họ hỗ trợ phụ nữ trong công việc này. - Thường xuyên nêu cao tình thần bảo vệ mương máng, không xả rác bừa bãi. Chú trọng truyền thông nội dung này cho nam giới để họ tích cực hỗ trợ phụ nữ thực hiện công việc này.
3	<p>Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có Bão, Lụt</p>	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 412 hộ dân công trình vệ sinh chưa đảm bảo. - Ống dẫn nước thải của 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ nghèo không có kinh phí XD nhà vệ sinh tự hoại. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm thùng rác nơi công cộng - Hỗ trợ xây dựng nhà vệ

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>các hộ gia đình xa tháng ra ngoài nương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo vệ sinh, 50% xả nước thải trực tiếp ra môi trường. - Rác thải sinh hoạt, xác động vật chết xả xuống kênh mương và vớt bừa bãi ra môi trường. - Vô thuốc sâu còn vứt bừa bãi. Một số bể chứa đê ở nơi chưa thích hợp. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ thu gom rác thải chưa đáp ứng được nhu cầu; chưa thu gom được rác thải ngoài đồng ruộng. - Công tác truyền thông chưa kịp thời. <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <p>Ý thức một số hộ dân còn kém; Còn vứt vô thuốc trừ sâu ngay tại nơi phun thuốc. Chưa có ý thức giữ gìn vệ sinh chung.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương tiêu thoát nước tại khu dân cư chưa kiên cố, có nơi không có - Chăn nuôi nhỏ lẻ, chủ yếu là ở các hộ gia đình nên chuồng trại còn tạm bợ, không có hệ thống xử lý nước và chất thải chăn nuôi. - Ý thức người dân còn kém chưa tự giác, còn vứt rác bừa bãi. - Chưa có thùng rác nơi công cộng <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế vị trí đặt bể chứa hợp lý. - Chưa đủ kinh phí trang bị cho mạng lưới làm công tác môi trường. - Chưa có các chế tài cụ thể đối với hành vi vi phạm. <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa được tập huấn về kiến thức phòng ngừa dịch bệnh, sức khỏe vệ sinh môi trường - Nhận thức của một số người dân còn kém. 	<p>sinh cho các hộ nghèo và làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thiết chế vệ sinh môi trường có sự tham gia của người dân (lồng ghép vào quy ước thôn/xóm) - Tăng cường các hình thức xử phạt những hành vi vi phạm về môi trường - Tổ chức phong trào VSMT, khơi thông cống rãnh cho các đoàn thể, trường học thường xuyên - Củng cố, bổ sung lực lượng làm công tác môi trường đáp ứng nhu cầu của địa phương. <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư kinh phí tổ chức tập huấn về kiến thức phòng ngừa dịch bệnh, sức khỏe vệ sinh môi trường cho cả nam giới và phụ nữ. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân. - Thẳng thắn nhắc nhở những người dân có ý thức kém.
4	<p>Lao động nữ có nguy cơ bị bệnh phụ khoa và suy giảm sức khỏe khi sản xuất lúa, hoa</p>	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lao động nữ làm công việc nặng nhọc vất vả, nguy hiểm, chưa được đào tạo nghề, chủ yếu lao động phổ thông, thu nhập thấp - 80% phụ nữ bị bệnh phụ 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều phụ nữ đơn thân đồng con không có việc làm, ngừa dịch bệnh và vệ sinh môi trường. - Chồng đi làm ăn xa phải đảm nhiệm mọi việc trong gia đình. 	<p>* Vật chất:</p> <p>Tạo công ăn việc làm tăng thu nhập, ưu tiên những ngành nghề phù hợp với phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo.</p> <p>Khuyến khích phát triển nghề đan cói cho cả phụ</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	màu và chăn nuôi.	<p>khoa do làm ruộng, làm màu, chăn nuôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian phụ nữ lao động ngoài trời quá nhiều (12h/ ngày). - Tiếp xúc nhiều với thuốc bảo vệ thực vật và chất độc hại. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội phụ nữ tuyên truyền bình đẳng giới còn hạn chế <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số phụ nữ thiếu kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa dịch bệnh và vệ sinh môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghề trồng màu đòi hỏi phải làm việc trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt và thời gian dài <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí hoạt động không có <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số chị em phụ nữ còn tự ti không giám đấu tranh. - Chị em chưa quan tâm đến sức khỏe và thường xuyên khám sức khỏe định kỳ. 	<p>nữ và nam giới và các hộ nghèo.</p> <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ nữ - Tập huấn nâng cao nhận thức, và tập huấn chuyên giao KHKT về sản xuất, chăn nuôi, đào tạo nghề cho phụ nữ - Tuyên truyền cho nam giới về luật hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới- <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, vận động chị em quan tâm đến sức khỏe và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho chị em.
5	Lúa và hoa màu mất mùa giảm năng suất khi có thiên tai	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30 % diện lúa nằm vùng trũng - 95 km kênh mương nội đồng chưa kiên cố hóa. - Công tiêu thoát nước nhỏ hẹp, xuống cấp - Đồng ruộng manh mún nhỏ lẻ chưa áp dụng KHKT - 10 ha diện tích lúa chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản hiệu quả thấp <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HTX năng lực yếu, chưa bao tiêu sản phẩm chủ yếu là người dân tự cung, tự cấp <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <p>Người dân còn thiếu kiến thức về trồng trọt và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.</p>	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng lúa chưa được quy hoạch "mẫu lớn". - Xã còn thiếu kinh phí để nạo vét thường xuyên và xây mương nội (Kiên cố) - Công xây dựng lâu năm; chưa có kinh phí để tu bổ nâng cấp - Sử dụng giống mới chưa đồng bộ. - Do địa hình cánh đồng không đều <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tổ chức chưa quan tâm đến vấn đề bao tiêu đầu ra cho nông sản. - Có tập huấn nhưng chưa được nhiều, thời gian ít <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có kinh phí. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn để áp dụng KHKT. - Khoanh vùng và chuyển sang cây trồng khác - Đầu tư nâng cấp hệ thống cầu cống, kênh mương nội đồng. - Tổ chức nạo vét thường xuyên mương máng, khơi thông dòng chảy. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực cho HTX để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho sản phẩm - Tổ chức cung cấp giống mới đồng bộ thích ứng với biến đổi khí hậu. <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn chuyên giao KHKT cho người dân đặc biệt là phụ nữ

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			- Chưa được trang bị kiến thức để áp dụng KHKT vào sản xuất lúa và trồng màu thích ứng với biến đổi khí hậu.
--	--	--	--

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (***)	Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Nhà nước (%)	Người dân (%)	Bên ngoài hỗ trợ (%)
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao nhận thức cộng đồng về rủi ro thiên tai/BĐKH	Toàn dân trong xã	- Tổ chức tập huấn cho cộng đồng.	Ngắn hạn		50%		50%
			- Xây dựng pa nô, áp phích tuyên truyền về RR TT.			50%		50%
	Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các đoàn thể ở xã – xóm	Cán bộ các đoàn thể của xã.	- Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xã	Ngắn hạn		50%		50%
			- Cung cấp trang thiết bị truyền thông cho địa phương			50%		50%
Công trình thủy lợi	Nâng cấp hệ thống kênh mương – Cầu công cấp 2 và hệ thống kênh mương nội đồng	Toàn dân trong xã	Đầu tư nâng cấp tu bổ những đoạn kênh mương; cầu công đã xuống cấp và chưa được cứng hóa		Dài hạn	100%		
Nhà ở	Hỗ trợ xây nhà cho hộ nghèo, hộ neo đơn	Các hộ nghèo trong xã	Đầu tư, cho vay vốn xây nhà cho các hộ nghèo (Đặc biệt hộ phụ nữ nghèo đơn thân)		Dài hạn	20%	30%	50%
	Tập huấn/truyền thông nâng cao nhận thức về nhà an toàn trước thiên tai	Toàn dân trong xã	Tổ chức tập huấn cho cộng đồng cả nam giới và phụ nữ.	Ngắn hạn		100%		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Nâng cao hiểu biết của người dân về nước sạch, vệ sinh môi trường	Toàn dân trong xã	Tổ chức tập huấn cho cộng đồng, chú trọng mời nam giới tham gia đông hơn.	Ngắn hạn		100%		
	Hoàn thiện thiết chế Vệ sinh môi trường có sự tham gia cho các xóm	Toàn dân trong xã	Xây dựng và hoàn thiện các nội quy, quy định về vệ sinh môi trường có sự tham gia cho từng xóm	Ngắn hạn				
Y tế và quản lý dịch bệnh	Nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng ngừa dịch bệnh trong mùa thiên tai	Toàn dân trong xã	Tổ chức tuyên truyền cho người dân cả nam giới và phụ nữ về phòng ngừa dịch bệnh trong mùa thiên tai	Ngắn hạn		100%		
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Mở rộng, hoàn thiện hệ thống thông tin cảnh báo sớm của xã	Toàn dân trong xã	Thường xuyên duy tu bảo dưỡng hệ thống thông tin cảnh báo	Ngắn hạn		100%		
Phòng chống thiên tai và TUBDKH	Thường xuyên nâng cao năng lực ứng phó cho đội xung kích	Đội xung kích	Tập huấn về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu cho cả nam giới và phụ nữ trong đội	Ngắn hạn		100%		
			Cung cấp trang thiết bị cứu hộ	Ngắn hạn		50%		50%
			Diễn tập ứng phó với các tình huống khẩn cấp trong thiên tai	Ngắn hạn		100%		
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Khuyến khích phát triển nghề đan cói cho hộ nghèo và phụ nữ	Hộ nghèo và phụ nữ nghèo	- Tổ chức khai thác tìm đầu ra cho sản phẩm	Ngắn hạn			100%	
			- Tổ chức thu mua nguyên liệu tận gốc để giảm chi phí.				199%	
	Nâng cao khả năng quản lý, sử dụng vốn cho phụ nữ	Hộ nghèo và phụ nữ nghèo	Tổ chức tập huấn cho phụ nữ về quản lý kinh tế hộ			100%		
	Hỗ trợ và tạo nguồn vốn vay với lãi suất thấp	Hộ nghèo và phụ nữ nghèo	Thành lập các tổ chức tín dụng quy mô nhỏ do phụ nữ	Ngắn hạn		50%	50%	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	cho người dân		làm chủ						
<i>Lưu ý khác</i>									

3. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

Cảm ơn dự án đã hỗ trợ địa phương tổ chức đợt đánh giá Rủi ro thiên tai và Biến đổi khí hậu tại địa bàn. Kết quả đánh giá đã sát thực tế về hiện trạng cũng như chỉ ra được các rủi ro nổi cộm về thiên tai đối với địa phương.

Với các giải pháp đã được người dân và cán bộ đề xuất, từng bước chúng tôi sẽ lồng ghép các giải pháp, hoạt động đã được đề xuất từ kết quả đánh giá này vào các Nghị quyết, kế hoạch ngắn hạn cũng như dài hạn của địa phương để thống nhất việc triển khai thực hiện đồng bộ và làm cơ sở pháp lý cho việc phân bổ nguồn lực.

UBND xã kính mong Dự án hỗ trợ kinh phí mở các lớp dạy nghề về nông nghiệp và truyền thông của địa phương cho nhân dân trong xã (đan cửi). Hỗ trợ xây dựng nhà máy chế biến lương thực, thực phẩm cho nhân dân và liên kết với với các Doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm nông nghiệp. Hỗ trợ cứng hóa mương cấp 3 ngoài đồng để thuận lợi tưới, tiêu nước cho sản xuất nông nghiệp.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã
(đã ký)**

E. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên (Nam/Nữ)	Đơn vị	Số điện thoại
1	Trần Ngọc Cát	CT Hội nông dân	0963551119
2	Vũ Thị Thanh Tân	Cán bộ dân số	0359914033
3	Trần Thị Vui	Phó CT Hội phụ nữ	01655664356
4	Lại Thị Liên	Chi hội trưởng phụ nữ	0392753668
5	Nguyễn Văn Lục	Công an thường trực xã	0986663040
6	Đặng Thị Lệ	Cán bộ văn hoá xã hội	0973178808
7	Trần Văn Quy	Cán bộ địa chính xã	0392750194
8	Trần Minh Lãm	Cán bộ Văn hoá xã hội	0328934392
9	Trần Văn Thoại	Trưởng công an xã	0917834800
10	Phan Văn Huy	Cán bộ văn phòng Đảng uỷ	0946513763

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Công cụ: Lịch sử thiên tai xã Nghĩa Thành

Năm/t háng	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì? Mức độ thiệt hại	Tại sao bị thiệt hại	Đã làm gì để phòng chống thiên tai
2018	Mưa to	Mưa kéo dài, lượng mưa lớn	Toàn xã, nhưng thiệt hại chủ yếu ở các chân ruộng	Lúa: thiệt hại 50-70% diện tích lúa cấy (phải cấy lại) Hoa màu: thiệt hại 70-90% Gia súc gia cầm: dịch bệnh Thủy sản: Ngập lụt, thất thoát 30-50% Sản xuất vật liệu xây dựng chậm tiến độ Vệ sinh môi trường: tắc cống rãnh, nước không tiêu, ô nhiễm môi trường. Ảnh hưởng sức khỏe con người.	Chân ruộng trũng thấp _ Giồng lúa không phù hợp với chân ruộng _ Hệ thống thoát nước kém, không được nạo vét thường xuyên.	_ Đã chuyển đổi chân ruộng thấp sang nuôi trồng thủy hải sản _ Lúa chuyển đổi giồng phù hợp chân ruộng. _ Nâng cấp công trình cầu cống, mương máng thông thoáng.
2017	Mưa Bão	Mưa to kéo dài	Toàn xã	- Lúa: chín không được thu hoạch 90% - Hoa màu : thiệt hại 100% - Thủy sản: thiệt hại 60-70% Vệ sinh môi trường bị ô nhiễm	Gặt lúa thủ công không kịp tiến độ Chất lượng kém, không tiêu thụ được Bờ ao đằm chưa phù hợp Chất thải chăn nuôi, hệ thống công trình vệ sinh tiêu thoát nước thải sinh hoạt	Thực hiện phương châm “xanh nhà hơn già đồng” Đánh luống cao, làm vòm che Ao đằm: Đắp bờ cao, vây bả đặng chống thất thoát, Xây hệ thống biogas. Xây nhà vệ sinh tự hoại

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

					chưa đảm bảo	Đầu tư cho người dân vay vốn nước sạch
12/20 16	Rét đậm rét hại	Rét kéo dài	Toàn xã	<p>Gia súc gia cầm bị thiệt hại 30%</p> <p>Mạ chết: 80%</p> <p>Thủy sản: cá chết rét 90%</p> <p>Hoa màu ảnh hưởng, chết rét.</p> <p>Người già và trẻ em ốm đau nhiều: đau xương khớp, viêm đường hô hấp</p>	<p>Chuồng trại không đảm bảo</p> <p>Thức ăn không đầy đủ</p> <p>Che chắn không đảm bảo</p> <p>Chủ quan không phòng bệnh.</p>	<p>Xây chuồng trại ấm mùa đông, thoáng mát mùa hè.</p> <p>Ăn uống đầy đủ</p> <p>Người già và trẻ em chăm sóc chế độ đặc biệt, ăn uống đủ chất, mặc áo ấm</p>
7/200 5	Mưa bão	To, mạnh	Toàn xã	<p>Vỡ đê: 300m Nghĩa phúc.</p> <p>Gia súc gia cầm: chết 30%</p> <p>Nhà: 23 nhà bị đổ</p> <p>Tốc mái 60%</p> <p>Công trình phúc lợi: Đổ cột điện: 70%</p> <p>Truyền thanh xã: Đứt dây, thiệt hại 60%</p> <p>Hoa màu: thiệt hại 70%</p> <p>Thủy sản: Tôm chết 60-70%</p> <p>Lúa bị ngập, chết 70%</p> <p>Ngư cụ: mất mát, hư hỏng 40-50%</p> <p>Đường xuống cấp trầm trọng</p>	<p>Sườn đê ngắn, không có rừng chắn sóng, tiếp xúc trực tiếp với cửa sông Ninh cơ,.</p> <p>Không phòng hộ kịp thời</p> <p>Nhà xuống cấp</p> <p>Cột điện xuống cấp</p> <p>Hoa màu không được che chắn</p> <p>Thủy sản chưa tới thời hạn thu</p> <p>Đồng ruộng thoát nước kém</p> <p>Ngư dân không được cập nhật thông tin kịp thời, chính xác.</p> <p>Đường nhỏ hẹp,</p>	<p>Xây kè, làm rọ đá</p> <p>Chủ động phòng hộ trước khi bão về</p> <p>Chủ động chằng chống, kéo cột trước khi bão về</p> <p>Xây nhà kiên cố, có phòng tránh bão về</p> <p>Nâng cấp cột điện kiên cố</p> <p>Thay mới những cột điện đã hư hỏng</p> <p>Nâng cấp hệ thống phát thanh đảm bảo mưa bão vẫn truyền thông tin được</p> <p>Che chắn cẩn thận cho hoa màu.</p> <p>Với thủy sản: Dùng máy tạo ô xy, dụng chế phẩm để xử lý nước.</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				Người: ốm đau.	chưa được bê tông hoá.	Xây mương máng to rộng, thông thoáng. Thường xuyên cập nhật thông tin thời tiết để kịp phòng tránh. Nâng cấp đường to rộng, bê tông hoá.
--	--	--	--	----------------	------------------------	--

Công cụ: Lịch theo mùa xã Nghĩa Thành

Thiên tai	Tháng												Xu hướng của thiên tai/BDKH		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
Rét hại													Thời gian ngắn nhưng nhiệt độ xuống thấp		
Bão													Hướng đi phức tạp, khó dự đoán		
Lụt													Lượng mưa tăng, mực nước biển ngày càng dâng cao		
Hoạt động kinh tế - VH - XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động KT-XH	Tại sao? (Đánh giá TTDBTT)	Kinh nghiệm phòng chống (Năng lực PCTT)
Lúa													Vụ chiêm: Gây chết mạ, chết lúa mới cấy; Vụ mùa: lụt gây chết lúa, giảm năng suất 30-35%	Rét đậm rét hại kéo dài; Mưa nhiều, gây ngập lụt nhiều ngày	Che chắn mạ, nghe thời tiết; Theo lịch chung, làm tốt công tác thủy lợi trong mùa mưa
Chăn nuôi													+ Rét: Gây chết vật nuôi; + Bão: Sập chuồng, phát sinh dịch bệnh; + Lụt : phát sinh dịch bệnh	Rét đậm kéo dài; Gió to, mưa lớn; Lụt: chuồng trại ẩm ướt	Che chắn chuồng trại, chăm sóc, úm nhiệt. Xây nền chuồng cao, sạch
Rau màu													+ Rét: gây chết cây giống, làm cây phát triển chậm; + Bão: gây chết cây, đập nát; + Lụt: gây chết úng cây màu	Rét đậm kéo dài, bão gió mạnh; lụt gây ngập úng	Trồng cây phù hợp với thời tiết, làm tốt công tác thủy lợi
Thủy sản													Rét đậm, chết cá tôm, vỡ ao đầm.	Rét đậm kéo dài, gió lớn,	Làm bạt chắn cá

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

2	Hệ thống thông tin	Có hệ thống thông tin phục vụ tuyên truyền, cảnh báo hoạt động tốt, kịp thời (Loa truyền thanh, đài truyền thanh cấp xã)	
3	Công trình phòng chống thiên tai (Cầu cống, song, kênh mương thoát nước, nhà kết hợp sơ tán)	<p>Có khu sơ tán dân (Trường học, công sở uỷ ban nhân dân xã, nhà cao tầng kiên cố trong các thôn)</p> <p>Một số cầu cống đã được kiên cố hoá</p> <p>Kênh mương được nạo vét, thoát nước</p>	Còn khoảng 40-50% cầu cống xuống cấp, chưa được kiên cố.
4	Phương châm 4 tại chỗ	<p>Có thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ.</p> <p>Thành lập đội cứu hộ ở xã và cấp thôn</p> <p>Có các trang thiết bị cứu hộ cơ bản như: Áo phao, đèn pin, và các trang thiết bị khác...</p>	
5	Ý thức, năng lực của người dân	<p>Người dân được tuyên truyền nâng cao nhận thức về rủi ro thiên tai, phòng chống thiên tai</p> <p>Tỉ lệ người dân biết bơi là 50%</p> <p>Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống rủi ro thiên tai</p>	<p>Còn 50% người dân chưa biết bơi</p> <p>Chưa có nhiều lớp đào tạo bài bản về phòng chống thiên tai cho người dân.</p>

Công cụ phân tích giới xã Nghĩa Thành

Ngành nghề	Vai trò		Ảnh hưởng của thiên tai		Giải pháp cải thiện
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
Trồng trọt	<p>Làm mạ 60%</p> <p>Làm đất 89%</p> <p>Cây 10%</p> <p>Chăm bón 30%</p> <p>Phun thuốc 70%</p> <p>Thu hoạch 50%</p>	<p>Làm mạ 40%</p> <p>Làm đất 20%</p> <p>Cây 90%</p> <p>Chăm bón 70%</p> <p>Phun thuốc 30%</p> <p>Thu hoạch 50%</p>	<p>Tiếp xúc trực tiếp với thuốc sâu</p> <p>Rét đậm vẫn ra đồng cấy lúa</p> <p>Mưa lụt vẫn ra đồng thu hoạch lúa</p>	<p>Tiếp xúc trực tiếp với thuốc sâu</p> <p>Rét đậm vẫn ra đồng cấy lúa, làm cỏ</p> <p>Thời gian làm đồng 10h/ngày</p> <p>Mưa vẫn ra đồng cấy, chăm bón</p> <p>Mưa lụt vẫn ra đồng thu hoạch lúa</p>	<p>Tuyên truyền nhân dân thực hiện đúng quy trình bảo hộ lao động.</p> <p>Phun thuốc đúng cách, đúng liều, hạn chế thuốc hoá học, sử dụng thuốc sinh học.</p> <p>Nên dùng phương pháp gieo sạ để giảm thời gian lao động ngoài đồng</p> <p>Thực hiện xanh nhà hơn già đồng khi có thông tin về bão, lụt phải khẩn trương thu hoạch lúa.</p>
Chăn nuôi	<p>Gia súc 30%</p> <p>Gia cầm 30%</p>	<p>Gia súc 70%</p> <p>Gia cầm 70%</p>	<p>Khi mưa lụt phát sinh công việc nhiều hơn</p>	<p>Trực tiếp thực hiện các công việc vệ sinh chuồng trại.</p> <p>Khi có mưa lụt công việc phát sinh nhiều hơn</p>	<p>Chuồng trại làm sạch sẽ thoáng mát vào mùa hè, ấm vào mùa đông, tránh mưa bão.</p> <p>Sử dụng các chế phẩm sinh học để xử lý chuồng trại và tránh phát sinh dịch bệnh.</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Trồng trọt	Gieo cấy 30% Chăm bón 50% Phun thuốc 70% Thu hoạch 50%	Gieo cấy 70% Chăm bón 50% Phun thuốc 30% Thu hoạch 50%	Tiếp xúc trực tiếp với thuốc sâu	Thời gian làm trên 12h/ngày	Bổ trí thời gian cho hợp lý
Kinh doanh dịch vụ và nghề phụ	Bán hàng 70% Lấy hàng 20% Nghề xây dựng 80% Đan cói xuất khẩu 10%	Bán hàng 30% Lấy hàng 80% Nghề xây dựng 20% Đan cói xuất khẩu 90%	Khi mưa bão vẫn phải đi lấy hàng	Khi mưa bão vẫn phải đi lấy hàng	
Nuôi trồng thủy	Làm ao 90% Mua môi 70% Cho ăn 50% Thu hoạch 50%	Làm ao 10% Mua môi 30% Cho ăn 50% Thu hoạch 50%	Khi mưa rét, mưa bão vẫn phải ở ngoài ao	Mưa bão vẫn phải ra ao cho ăn.	

Xã Nghĩa Thành - Công cụ tổng hợp xếp hạng rủi ro thiên tai toàn xã

STT	Giải pháp	Xếp hạng cho điểm						Tổng điểm	Thứ tự xếp hạng
		Cụm 1		Cụm 2		Kiểm chứng			
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1	Nhà có thể bị hư hỏng, đổ sập, tốc mái khi có bão từ cấp 10 trở lên	6	4	6	5	5	20	46	4
2	Người có thể bị chết, bị thương và dịch bệnh trong và sau thiên tai.	3	1	4	0	0	10	18	8
3	Lao động nữ có nguy cơ bị bệnh phụ khoa, suy giảm sức khỏe khi sản xuất lúa và hoa màu, chăn nuôi.	5	2	1	7	9	15	39	5
4	Lúa, hoa màu bị chết, thiệt hại năng suất do bị rét, bão lụt.	4	4	9	4	14	20	55	3
5	Vật nuôi có thể bị dịch bệnh, chết.	2	3	4	4	2	8	23	6
6	Thiệt hại về thủy sản	5	2	2	0	0	8	17	9
7	Môi trường có thể ô nhiễm	10	6	9	4	7	25	61	2
8	Đường giao thông có thể bị hư hỏng.	7	4	0	1	0	7	19	7
9	Kênh mương bị ùn tắc và bị hỏng	6	6	22	4	5	23	66	1
10	Hệ thống cột và dây điện lưới có nguy cơ bị hư hỏng, gãy đổ.	2	3	3	1	0	8	17	10
11	Hệ thống truyền thanh bị hư hỏng.	5	0	0	0	0	4	9	11

Xã Nghĩa Thành - Công cụ Xếp hạng giải pháp phòng chống RRTT-BĐKH

STT	Giải pháp	Xếp hạng cho điểm						Tổng điểm	Thứ tự xếp hạng
		Cụm 1		Cụm 2		Kiểm chứng			
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1	Nâng cấp hệ thống kênh mương, cầu cống cấp 2 và trong nội đồng	17	7	24	9	3	20	80	1
2	Chuyển đổi giống cây trồng	2	2	7	2	0	12	25	5
3	Hỗ trợ xây nhà cho hộ nghèo, hộ neo đơn	15	5	4	5	4	22	55	2
4	Tập huấn, truyền thông nâng cao	2	2	1	6	2	2	15	7

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	kiến thức cho cộng đồng về nhà an toàn trước thiên tai								
5	Nâng cao nhận thức cộng đồng về RRTT, BDKH và Vệ sinh môi trường	3	1	2	4	0	0	10	9
6	Nâng cao năng lực về phòng ngừa dịch bệnh, hiểu biết về nước sạch và vệ sinh môi trường.	2	1	2	6	15	25	51	3
7	Nâng cao năng lực truyền thông cho đội ngũ cán bộ đoàn thể xã và xóm.	3	4	1	4	0	0	12	8
8	Thành lập mới và tăng cường sự hoạt động hiệu quả của các tổ chức tín dụng vi mô giúp phụ nữ nghèo và hộ nghèo tiếp cận vốn.	3	5	2	0	3	5	18	6
9	Tăng cường khả năng quản lý, sử dụng vốn cho phụ nữ nghèo và hộ nghèo	0	3	1	2	13	17	36	4
10	Thương xuyên nâng cao năng lực ứng phó cho đội cứu hộ, đội xung kích.	3	0	1	0	0	0	4	11
11	Mở rộng, hoàn thiện hệ thống thông tin cảnh báo sớm của xã	1	5	1	0	0	0	7	10
12	Hoàn thiện thiết chế vệ sinh môi trường cho từng xóm	2	0	1	1	0	0	4	11
13	Đào tạo nghề mới cho người dân, đặc biệt là các hộ nghèo và phụ nữ nghèo	1	1	1	3	2	15	23	5

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá







